



KIDO FOODS

# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ

# NỘI DUNG

## 1 GIỚI THIỆU

- 06 Tầm nhìn & Giá trị
- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 10 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 12 Ban Lãnh đạo
- 15 Ban Quản trị
- 17 Ban Kiểm soát

## 2 CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

- 20 Lịch sử hình thành & phát triển
- 22 Câu chuyện của chúng tôi
- 24 Các hoạt động của chúng tôi
- 30 Mô hình kinh doanh
- 34 Cơ cấu cổ đông
- 36 Cơ cấu nhân sự
- 38 Chiến lược sản phẩm
- 42 Danh mục sản phẩm
- 44 Trách nhiệm xã hội

## 3 BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- 48 Mức độ tiếp cận của chúng tôi
- 50 Môi trường kinh doanh
- 52 Hoạt động tài chính
- 54 Quản trị rủi ro
- 56 Các cuộc họp và nghị quyết HĐQT

## 4 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 61 Thông tin chung
- 62 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 63 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 65 Bảng cân đối kế toán
- 67 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 68 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 70 Thuyết minh báo cáo tài chính



GIỚI THIỆU

# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ



# 1000

Tỷ đồng

GẮN 1000 TỶ ĐỒNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



# 02

Nhà máy sản xuất



# 97

Triệu người dùng

THỊ TRƯỜNG RỘNG LỚN VÀ DẪN MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á



## TẦM NHÌN & GIÁ TRỊ

### TẦM NHÌN

**Trở thành Công ty hàng đầu trong ngành kinh doanh thực phẩm có điều kiện ở Việt Nam và châu Á. Mang đến cho cuộc sống những giá trị hạnh phúc bằng những sản phẩm hợp khẩu vị, giàu dinh dưỡng và tiện lợi.**

KIDO Foods là đơn vị có thế mạnh trong việc kinh doanh các sản phẩm đông lạnh với hệ thống Cool Chain trải rộng khắp cả nước giúp đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng và đồng thời gia tăng thị phần của Công ty trên thị trường. Bên cạnh đó, KIDO Foods còn sở hữu năng lực sản xuất lớn, năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm an toàn, bổ dưỡng phù hợp với yêu cầu của người tiêu dùng. Và mục tiêu dài hạn của chúng tôi là trở thành một phần trong văn hóa ẩm thực của người Việt thông qua lắp đặt không gian tủ lạnh và tủ đông bằng các sản phẩm của KIDO Foods.



### CÁC GIÁ TRỊ

#### QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Yếu tố đóng vai trò rất quan trọng trong việc thành công của KIDO Foods chính là năng lực quản trị điều hành của những nhà quản trị có tầm nhìn chiến lược, khả năng am hiểu thị trường; những nhà quản lý có nhiều kinh nghiệm trong việc thực thi công việc có hiệu quả. Bên cạnh đó, việc hợp lý hóa chuỗi cung ứng sản phẩm giúp việc phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng được nhanh chóng với chất lượng tốt nhất và hiệu quả nhất.

#### CON NGƯỜI

KIDO Foods là doanh nghiệp luôn lấy con người làm trung tâm. Trong đó xoay quanh nhu cầu của người tiêu dùng, cổ đông, nhà cung cấp và đối tác. Giá trị cốt lõi của chúng tôi là cung cấp những sản phẩm tươi ngon nhất đến tay người tiêu dùng. Và điều này đòi hỏi sự chung tay của toàn bộ tập thể nhân viên, cam kết của các nhà cung cấp, sự ủng hộ của cổ đông và sự hợp tác của tất cả các đối tác. Chúng tôi cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn, tiện lợi và luôn đặt khách hàng là trung tâm để thỏa mãn các nhu cầu khách hàng đặt ra.



#### THƯƠNG HIỆU

Một yếu tố không kém phần quan trọng giúp khách hàng có thể nhận dạng các sản phẩm của KIDO Foods chính là thương hiệu. Thương hiệu không chỉ giúp chúng tôi xác lập sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh mà còn giúp chúng tôi tạo nên mối liên kết chặt chẽ với người tiêu dùng. Qua thời gian, các sản phẩm có thể thay đổi nhưng những giá trị của thương hiệu sản phẩm mà KIDO Foods đang sở hữu sẽ còn mãi trong tâm trí của khách hàng. Với tài sản thương hiệu, chúng tôi luôn chú trọng đầu tư bởi đó là tài sản sẽ sống mãi cùng thời gian.

#### TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Giá trị then chốt cuối cùng chính là niềm tin của chúng tôi trong việc góp phần vào việc xây dựng cộng đồng ngày một tốt đẹp hơn. Là doanh nghiệp luôn lấy con người làm trọng tâm, quyết định của chúng tôi có ảnh hưởng đến cộng đồng, vì vậy chúng tôi cam kết nỗ lực để đảm bảo rằng những ảnh hưởng của chúng tôi tạo ra cho xã hội, cộng đồng mang lại lợi ích và hiệu ứng tích cực. Thông qua các sản phẩm có chất lượng, sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường cùng dịch vụ chu đáo và sự tận tâm, KIDO Foods tích cực chung tay cùng cộng đồng nhằm góp phần xây dựng một xã hội ngày một tươi đẹp hơn.

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Quá trình mở rộng ngành hàng sẽ được tiến hành cẩn trọng thông qua việc thử nghiệm và tổ chức tung sản phẩm quy mô vừa tại từng khu vực, đảm bảo rằng các sản phẩm được giới thiệu đáp ứng đúng khẩu vị và nhu cầu của thị trường từng khu vực.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**185** Tỷ đồng  
VƯỢT 488% SO VỚI NĂM TRƯỚC

Kính thưa Quý Cổ đông,

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, các nhà đầu tư, sự nỗ lực của đội ngũ CBCNV, sự ủng hộ của đối tác, khách hàng đã cùng KIDO Foods vượt qua khó khăn, thách thức, có được kết quả đáng khích lệ trong năm qua và cùng nhau tiếp tục hướng đến hành trình chinh phục mục tiêu trở thành Công ty hàng đầu trong ngành kinh doanh thực phẩm có điều kiện ở Việt Nam và châu Á.

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, hệ thống thương mại thế giới bất ổn và khó dự đoán, ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp và các nền kinh tế. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn có những điểm tích cực khi tổng sản phẩm quốc nội GDP tăng 7,02%, ngành hàng FMCG tại Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi đáng kể khi tốc độ tăng trưởng tại thành thị và nông thôn lần lượt đạt 5,5% và 8,8% (\*) thu nhập bình quân đầu người tăng lên, kéo theo các yêu cầu về chất lượng, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, độ tiện lợi và tính nhanh chóng cũng lên cao. Theo đó, năm 2019 vừa qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO đã có bước phát triển mạnh mẽ khi lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 185 tỷ đồng vượt 488% so với năm trước và vượt 23,5% kế hoạch năm 2019. Kết quả tích cực có được như trên chính là nhờ chúng tôi có chiến lược phù hợp với mục tiêu và tập trung các hoạt động vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, hoạt động mang lại lợi nhuận. Cụ thể:

### NGÀNH HÀNG LẠNH

#### ► Sản phẩm Kem

Đối với ngành hàng lạnh, việc quy hoạch lại danh mục sản phẩm ở cả phân khúc cao cấp và trung cấp, tập trung vào sản phẩm cốt lõi, nâng cao chất lượng được triển khai từ cuối 2018 đã phát huy hiệu quả. Xu hướng tiêu dùng tăng nhanh tại các kênh hiện đại (minimart) tại các thành phố lớn đã giúp ngành Kem ngày càng mở rộng kênh phân phối và độ phủ vượt bật so với đối thủ. So với cùng kỳ năm ngoái, độ phủ trên kênh hiện đại tăng 45% và KIDO Foods ngày gia tăng khoảng cách với đối thủ và tiếp tục dẫn đầu thị phần Kem với 41,4%.

KIDO Foods đã tập trung hướng đến đẩy mạnh tăng trưởng ngành hàng kem, đặt trọng tâm vào các sản phẩm kem cao cấp, sản phẩm kem cốt lõi, cắt giảm sản phẩm không hiệu quả, tổ chức sản xuất hợp lý, quy hoạch và cải tiến nhà máy, đầu tư kho bãi, tổ chức lại đội ngũ bán hàng và nâng cao hiệu quả kênh phân phối, mở rộng thị trường... nhằm thúc đẩy cả doanh thu và lợi nhuận.

#### ► Thực phẩm đông lạnh

Dưới những tác động và ảnh hưởng của dịch bệnh và giá cả biến động đối với ngành hàng thực phẩm đông lạnh trong thời gian qua, công ty đã tạm hoãn kế hoạch mở rộng quy mô và chấp nhận một khoản chi phí duy trì để dự phòng cho kế hoạch phát triển ngành lạnh của trong tương lai. Chúng tôi cũng đã lên kế hoạch thăm dò thị trường và tiến hành chiến dịch thâm nhập thị trường ngành lạnh một cách có trọng điểm tại các khu vực thông qua các sản phẩm nhập khẩu. Đây là các sản phẩm được chọn lọc và đáp ứng được các tiêu chí kinh doanh cũng như thỏa mãn về khẩu vị của người tiêu dùng Việt Nam, điều này sẽ giúp chúng tôi có được dữ liệu thị trường và đảm bảo tần suất hiện diện của thương hiệu, hỗ trợ tích cực cho việc trở lại mạnh mẽ tương lai.

#### ► Sữa chua

Riêng đối với mảng sữa chua, do sự cạnh tranh tranh khốc liệt trong phân khúc sữa chua hũ, trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung sang phân khúc sữa chua cao cấp theo hướng đông lạnh như sữa chua ăn và đông lạnh để gia tăng doanh số.

Trong thời gian tới, với mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ và tiếp tục mở rộng thị phần, chúng tôi tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm cao cấp đồng thời đầu tư vào việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đặc biệt là giới trẻ, gia tăng sức mạnh thương hiệu và hiệu quả hoạt động của công ty. Mục tiêu của KIDO Foods không chỉ dừng lại ở cung cấp các sản phẩm kem, mở rộng thị trường ngành hàng lạnh tại Việt Nam mà còn bắt đầu hướng đến thâm nhập vào thị trường các nước Đông Nam Á và Châu Á.

### Thưa Quý Cổ đông,

Từ đầu năm đến nay, tình hình dịch bệnh bùng phát, lan rộng và kéo dài trên thế giới và kéo theo những diễn biến bất lợi và khó lường cho cả nền kinh tế. Trong điều kiện nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam lâm vào tình cảnh khó khăn, ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, cùng với Tập đoàn, KIDO Foods nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao sức khỏe của nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm cho toàn thể CBCNV để cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Với hoạt động kinh doanh đặc thù của ngành hàng lạnh, chúng tôi đã triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời. Cụ thể, chúng tôi thực hiện chuyển dịch chiến lược phân phối bán hàng, chiến lược kênh, tổ chức đội ngũ bán hàng linh động và thực hiện các hoạt động Marketing phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh ảnh hưởng đến hành vi và thói quen tiêu dùng.

Chúng tôi đã xây dựng nhiều kịch bản khác nhau, các phương án dự phòng cũng như linh động thực hiện điều chỉnh kế hoạch theo diễn biến thực tế trên thị trường để có thể tồn tại và phát triển vững vàng cả trong và sau đại dịch.

Một lần nữa, tôi xin gửi lời cảm ơn, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và bình an đến tất cả Quý vị!

### TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO



## THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



*Dưới sự định hướng đúng đắn từ phía Ban lãnh đạo và nỗ lực của toàn thể CBCNV các phòng ban trong Công ty trong việc thực hiện hàng loạt các kế hoạch hành động để củng cố vị thế của công ty và trọng tâm là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi - Ngành kem.*



DOANH THU THUẦN

**1.383** Tỷ đồng

TĂNG 10,1% SO VỚI NĂM 2018

### Kính thưa Quý Cổ đông,

Trong năm 2019 vừa qua, với tình hình kinh tế Thế giới đã có nhiều biến động và cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực khi năm 2019 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tăng trưởng mạnh đạt 7,02% (Nguồn Tổng Cục Thống Kê) và ngành hàng FMCG tại Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi đáng kể khi tốc độ tăng trưởng tại thành thị và nông thôn lần lượt đạt 5,5% và 8,8% (Nguồn Kantar Việt Nam). Trước những điều kiện thuận lợi từ thị trường cùng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, Ban điều hành cùng toàn bộ đội ngũ nhân viên, KIDO Foods đã vượt qua được giai đoạn khó khăn và tạo tiền đề cho những bước chuyển mình phát triển vươn ra thị trường quốc tế trong thời gian tới.

Năm 2019, Công ty đã thực hiện hàng loạt các giải pháp quyết liệt nhằm tái cấu trúc hoạt động, tập trung vào các ngành hàng, sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao. Song song đó, Công ty cũng đã tiến hành tái cấu trúc hệ thống vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tập trung phát triển thị trường trọng điểm giúp đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận.

**Đối với ngành kem**, chúng tôi đã quy hoạch danh mục sản phẩm ở cả phân khúc cao cấp và trung cấp, tập trung vào các sản phẩm cốt lõi nhằm cải thiện chất lượng, gia tăng khả năng sinh lợi và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu của KIDO Foods trên thị trường kem, phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người Việt Nam. Đặc biệt, trong năm 2019, KIDO Foods đã tung ra thành công các sản phẩm như kem dưa hấu, kem trà sữa... bắt kịp trào lưu ăn vặt của giới trẻ, kéo lại thị phần ăn vặt cho ngành kem và từng bước thâm nhập vào thị trường các nước Đông Nam Á và châu Á...

**Ngành hàng thực phẩm đông lạnh**, do diễn biến của giá nguyên liệu, chúng tôi tạm hoãn kế hoạch mở rộng quy mô và chấp nhận một khoản chi phí duy trì để dự phòng cho kế hoạch phát triển ngành lạnh của KIDO Foods trong thời gian tới. Ở giai đoạn này, chúng tôi cũng sẽ tiến hành nhập khẩu một số sản phẩm từ nước ngoài để thử nghiệm, duy trì và giữ vững thị trường, đồng thời lập kế hoạch tái tung trong tương lai.

**Riêng với ngành sữa chua**, do sự cạnh tranh khốc liệt trong phân khúc sữa chua hũ, do đó trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung sang phân khúc sữa cao cấp theo hướng đông lạnh như sữa chua ăn và frozen để gia tăng doanh số.

Dưới sự định hướng đúng đắn từ phía Ban lãnh đạo và nỗ lực của toàn thể CBCNV các phòng ban trong Công ty trong việc thực hiện hàng loạt các kế hoạch hành động để củng cố vị thế của công ty và trọng tâm là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi - Ngành kem. Củng cố nội lực, thực hiện các hoạt động phát triển thị trường; đầu tư cho hệ thống phân phối, đội ngũ; mở rộng độ phủ và gia tăng khoảng cách dẫn đầu thị trường so với đối thủ. Theo đó, kết thúc năm 2019, doanh thu thuần của KIDO Foods đạt 1,383 tỷ đồng (tăng 10,1% so với năm 2018), lợi nhuận gộp tăng 145 tỷ đồng (tăng 21,81% so với năm 2018), lợi nhuận trước thuế đạt 185 tỷ đồng (tăng 488% so với năm 2018).

Có thể nói, năm 2019 là một năm thành công đối với KIDO Foods. Tuy nhiên, với tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt khi năm vừa qua, các công ty đối thủ cạnh tranh đã bắt đầu đầu tư nhiều hơn. Đặc biệt, cạnh tranh gay gắt tại các kênh siêu thị, Minimart, các chuỗi CVS,... chúng tôi cho rằng ngoài nền tảng hệ thống vận hành, quy trình, kênh phân phối, kinh nghiệm trong việc

nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, thì việc luôn nắm bắt xu hướng, phân tích sâu về thị trường, nhất là sự khác nhau giữa thị trường của từng khu vực là yếu tố vô cùng quan trọng trong lĩnh vực đặc thù mà chúng tôi đang tham gia. Đây là những yếu tố quan trọng giúp Công ty hoạt động hiệu quả, luôn sẵn sàng ứng biến với những thay đổi của thị trường, gia tăng doanh số và từng bước phục vụ tốt nhất cho người tiêu dùng.

Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục đầu tư cải tiến và phát triển sản phẩm mới, dẫn chuyển dịch KIDO Foods từ một đơn vị kinh doanh kem sang Công ty kinh doanh ngành hàng thực phẩm có điều kiện, mở rộng sâu và có chọn lọc bao gồm những sản phẩm nhập khẩu và tự sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục tái cấu trúc vận hành nhằm hợp lý hóa, tiết giảm chi phí, IT hóa trong việc quản lý tài sản bên ngoài thị trường nhằm giảm hao hụt và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ tiếp tục mở rộng thị trường mà và gia tăng năng lực tiếp cận khách hàng thông qua các đợt tung sản phẩm quy mô vừa, nhằm đáp ứng đúng khẩu vị và kết nối tốt hơn với người tiêu dùng, đảm bảo tính hiệu quả khi đi vào thực thi.

### Kính thưa Quý Cổ đông,

Tất cả định hướng phát triển và những thay đổi trọng tâm mà chúng tôi hướng đến trong năm 2019 và trong tương lai sẽ không thể hoàn thành nếu không có được sự đồng tâm, nhiệt huyết của đội ngũ CBCNV, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư, Quý đối tác, khách hàng đối với Công ty. Chính sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị sẽ giúp chúng tôi bền tâm và sẵn sàng vượt qua mọi thách thức đưa KIDO Foods tiến nhanh và chinh phục mục tiêu trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành hàng thực phẩm đông lạnh tại Việt Nam.

Một lần nữa, tôi kính chúc Quý vị thật nhiều sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

### TRẦN QUỐC NGUYÊN

Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO



## BAN LÃNH ĐẠO



### Ông TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Ông Trần Kim Thành hiện giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO, kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Ông là người khởi xướng tạo nên các thương hiệu sản phẩm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO, đồng thời là người kiến tạo mô hình hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng và mở rộng mạng lưới phân phối của KIDO Foods.

Là một doanh nhân có bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp, ông là thành viên đồng sáng lập Tập đoàn KIDO. Ông đóng vai trò quyết định trong việc đưa KIDO Foods trở thành doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong mảng Kem, vạch ra định hướng, chiến lược và điều hành các doanh nghiệp sau khi được sáp nhập vào Tập đoàn như Tường An, Vocarimex, KIDO Nhà Bè hướng đến mục tiêu đưa KIDO trở thành tập đoàn thực phẩm lớn mạnh tại Việt Nam.

Bên cạnh vai trò lãnh đạo trong Ban Quản trị của Tập đoàn KIDO, ông còn là thành viên Ban Điều hành của nhiều tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.

### Ông TRẦN LỆ NGUYỄN

Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Ông Trần Lệ Nguyễn là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Điều hành của Tập đoàn KIDO. Ông cũng đồng thời giữ vai trò là Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Ông Nguyễn là người đóng vai trò chủ chốt trong các chiến lược mua bán, sáp nhập của Tập đoàn KIDO. Cụ thể là việc mua lại thành công nhà máy Wall's của Tập đoàn Unilever, mua lại Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An, Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP, KIDO Nhà Bè.

Là một doanh nhân có nhiều kinh nghiệm trong việc sáng lập và phát triển doanh nghiệp, ông Nguyễn là người đồng sáng lập của Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của mình, ông Nguyễn đã góp phần dẫn dắt KIDO và các công ty phát triển, đưa các thương hiệu nhãn hàng trở thành một trong các thương hiệu nổi tiếng và được yêu thích nhất tại Việt Nam.

Bên cạnh vai trò là Ủy viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy viên Ủy Ban Mặt trận Tổ Quốc Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn còn tham gia trong Ban Quản trị của nhiều công ty lớn khác tại Việt Nam.

### Ông TRẦN QUỐC NGUYỄN

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO  
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO

Với hơn 22 năm kinh nghiệm trong việc điều hành các công ty thuộc tập đoàn KIDO, ông Trần Quốc Nguyễn hiện giữ vai trò là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO, đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO. Là một trong những người đóng vai trò chính trong việc phát triển hàng loạt các sản phẩm đông lạnh của Tập đoàn, ông Nguyễn đã đóng góp rất lớn trong việc mở rộng kênh phân phối các mặt hàng ngành hàng lạnh và xây dựng kênh phân phối ngành hàng kem mạnh nhất Việt Nam. Ông đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển 2 thương hiệu kem lớn nhất Việt Nam hiện nay.

### Ông MAI XUÂN TRÂM

Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn KIDO

Gia nhập Tập đoàn KIDO hơn 20 năm, ông là một trong những người đầu tiên xây dựng và vận hành mô hình hệ thống phân phối của Tập đoàn. Hiện ông là thành viên của Tập đoàn có nhiệm vụ điều hành các hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO. Là một người am hiểu thị trường, có tầm nhìn chiến lược như hoạch định và xây dựng hệ thống và quản trị điều hành, ông có sự thông hiểu sâu sắc về công ty, mức độ cạnh tranh và thị trường qua kinh nghiệm làm việc thực tiễn.

Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh Tế TP. HCM và MBA tại trường California Miramar University (Mỹ).



## BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)



### Ông NGUYỄN QUỐC BẢO

Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Ông Bảo là Thành viên HĐQT độc lập tại KIDO Foods từ 2018. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và có hơn 22 năm hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kênh phân phối toàn quốc, các nước Đông Nam Á, đầu tư tài chính và bất động sản.

Ông là nhà sáng lập thương hiệu Thành Công Mobile, một trong những thương hiệu xây dựng kênh phân phối sỉ và chuỗi bán lẻ điện thoại di động đầu tiên tại Việt Nam. Hiện, ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần ĐTDĐ Thành Công và kiêm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại nhiều doanh nghiệp và hiệp hội: Chủ tịch Công ty dt24.vn, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ TP. HCM, Chủ tịch CLB Bất động sản TP. HCM (HREC), Phó Chủ tịch CLB Thương Hiệu Việt (VBC), Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp TP. HCM (HUBA).

### Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Bà Vân là Thành viên HĐQT độc lập tại KIDO Foods từ tháng 7 - 2018. Bà đã tốt nghiệp Tài Chính Kế Toán và có hơn 06 năm hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, buôn bán vật liệu xây dựng, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác...

Hiện, bà là Giám đốc Công ty TNHH TM DVĐT Xây Dựng Phát triển Ánh Dương, kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện thoại di động Thành Công, Kiểm soát tài chính CLB Thương Hiệu Việt (VBC), Kiểm soát tài chính CLB Bất động sản TP. HCM (HREC).

## BAN QUẢN TRỊ

### Bà TRẦN THỊ THÙY LINH

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Từ năm 2014, bà Trần Thị Thùy Linh giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO (KIDO Foods). Sau khi tham gia KIDO, bà Linh gia nhập KIDO Foods và giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Kế toán. Trước khi bắt đầu làm việc tại KIDO Foods vào năm 2004, bà Linh đã làm việc tại Ernst & Young Việt Nam. Bà tốt nghiệp kỹ sư Khoa Công nghệ Chế biến Thực phẩm tại Đại học Thủy Sản Nha Trang và tốt nghiệp Thạc sĩ khoa Quản trị Kinh doanh ở Đại học Mở TP. HCM.

### Ông PHẠM VĂN THIỆN

Giám đốc Marketing

Ông Phạm Văn Thiện gia nhập KIDO Foods từ năm 2005 với vai trò Giám đốc Nhân hiệu. Trong 15 năm gắn bó với KIDO Foods, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển đa dạng và lớn mạnh của các ngành hàng tại KIDO Foods như hiện nay.

Ông tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Quản trị Marketing. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc Quản lý Marketing, điều hành bán hàng trong lĩnh vực thực phẩm, bánh kẹo, đồ uống và đặc biệt là ngành hàng lạnh. Từ tháng 01/2018, ông Thiện đảm trách vị trí Giám đốc Marketing tại KIDO Foods và giữ vai trò quan trọng trong việc thiết kế và phát triển ngành hàng mới.





## BAN QUẢN TRỊ (tiếp theo)



## BAN KIỂM SOÁT

### Ông ĐẶNG PHƯỚC QUANG VĂN Ông TRẦN NGỌC HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc Sản xuất

Giám đốc Kinh doanh

Ông Đặng Phước Quang Văn gia nhập KIDO Foods từ năm 2019 với vị trí Phó Tổng Giám đốc Sản Xuất.

Ông tốt nghiệp kỹ sư khoa cơ khí tại Đại Học Kỹ Thuật Moscow. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm thực tiễn trong việc quản trị nhà máy của các tập đoàn đa quốc gia như Fujitsu, Sonion, First Solar, Roll-Royce, Kinh Đô, Mondelez Kinh Đô trong các lĩnh vực điện tử, thực phẩm, bánh kẹo.

Ông Trần Ngọc Hoàng bắt đầu làm việc tại KIDO Foods trong vai trò Giám đốc Kinh doanh từ tháng 10/2018. Ông tốt nghiệp Đại học Mở TP. HCM chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp. Ông Hoàng có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý kinh doanh hàng tiêu dùng nhanh. Trước khi gia nhập KIDO Foods, ông Hoàng từng nắm giữ các vị trí chủ chốt trong mảng bán hàng và marketing của hàng loạt các Tập đoàn đa quốc gia như Pepsi, Coca Cola, Trung Nguyên, Asia Food, Kinh Đô, Mondelez Kinh Đô.

### Bà NGUYỄN THỊ THANH

Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm

Bà Nguyễn Thị Thanh phụ trách mảng Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm tại KIDO Foods từ năm 2003. Bà tốt nghiệp Đại học Bách khoa TP. HCM chuyên ngành Kỹ sư Hóa và Công nghệ thực phẩm. Cho đến nay, bà Thanh đã có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm và Đảm bảo Chất lượng.

Bên cạnh kinh nghiệm thực tiễn, bà Thanh còn tham gia các chương trình quốc tế về đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm đào tạo bởi Đại học Francois Rabelais, Pháp; về công nghệ sản xuất chế phẩm sữa do Hiệp hội Xuất khẩu Bơ Sữa Hoa Kỳ tổ chức; về công nghệ sản xuất kem và sữa chua tại các trung tâm nghiên cứu ứng dụng ở Anh, Đan Mạch, Ý, Singapore, Malaysia và Thái Lan.

### Bà NGUYỄN THỊ OANH

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Bà Oanh tham gia KIDO vào năm 1995 ở vị trí Phó phòng Kế toán. Từ năm 2012, bà giữ vị trí Kế Toán Trưởng của KIDO. Với sự cẩn trọng và kinh nghiệm quản trị, bà Oanh đã giúp hệ thống Kế toán của Tập đoàn tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam bằng cách duy trì kiểm soát hệ thống kế toán đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, bà còn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty TNHH Đầu tư KIDO; Kế toán trưởng của Công ty Cổ Phần Thiên Phúc Điền; Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt. Bà tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

### Bà NGUYỄN THỊ TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Bà Trang là người giàu kinh nghiệm về quản lý tài chính, quản lý danh mục đầu tư. Bà đã tham gia triển khai các chiến lược cho các thương vụ mua bán, sáp nhập của Tập đoàn KIDO, thực hiện quản lý dòng tiền, huy động vốn cũng như các dự án tái cấu trúc của Tập đoàn. Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán và hiện bà là Thư ký Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An; Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – CTCP.

### Bà CAO HOÀI THU

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO

Bà Thu tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế học, Đại học Nottingham, Anh Quốc. Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm liên quan đến Tài chính & Đầu tư và được cấp chứng chỉ Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA). Bà đã từng tham gia vào nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, thẩm định giá và phân tích tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện tại, Bà nắm giữ vị trí Phó Giám đốc Đầu tư tại Tập đoàn KIDO và là thành viên Ban Kiểm soát Tường An.



CHIẾN LƯỢC VÀ VẬN HÀNH

# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ



## 120.000

Điểm bán lẻ



## 50.000

Tủ kem

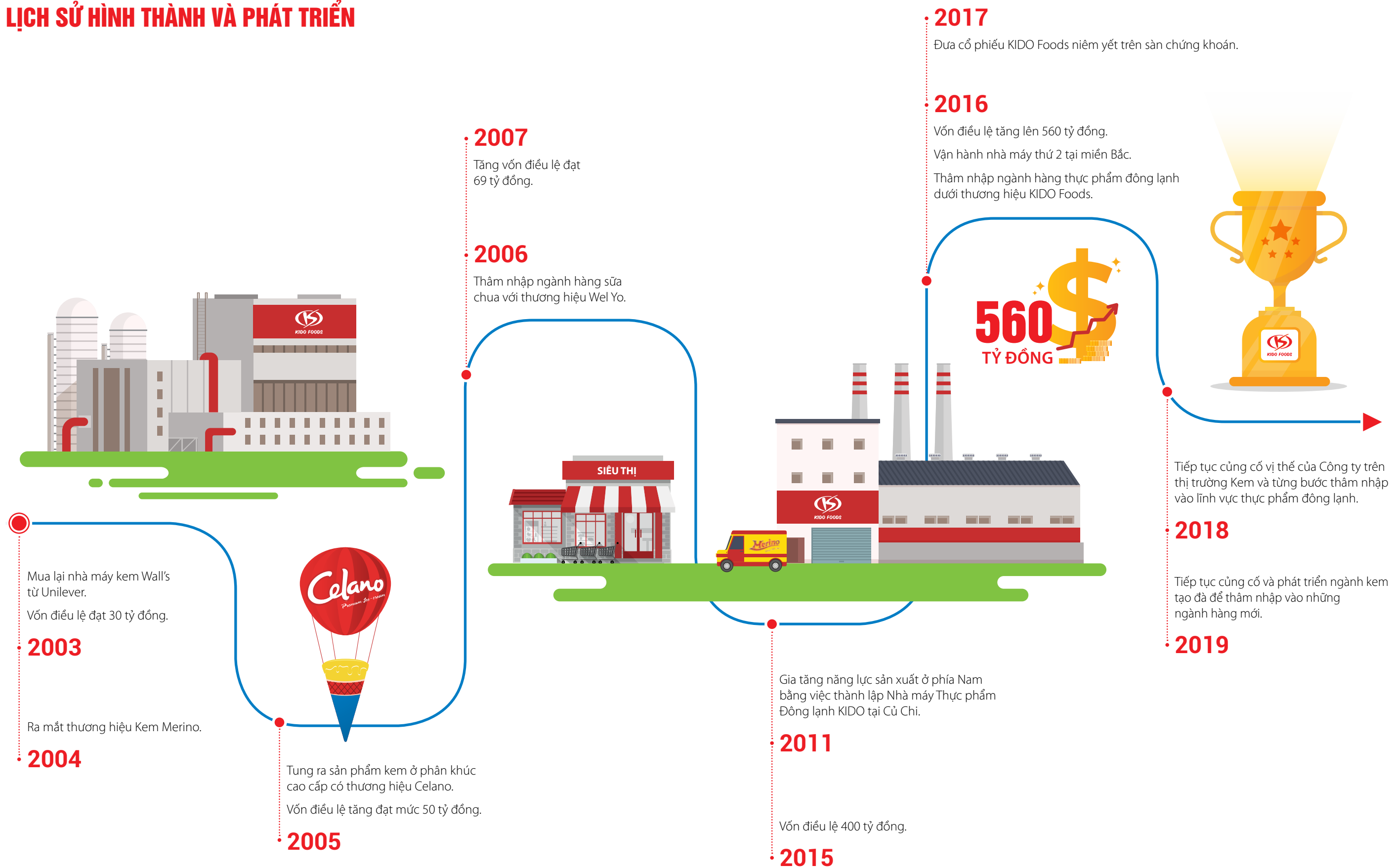


## 4.600

Siêu thị và cửa hàng tiện lợi



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Mua lại nhà máy kem Wall's từ Unilever.  
Vốn điều lệ đạt 30 tỷ đồng.

**2003**

Ra mắt thương hiệu Kem Merino.

**2004**

Tung ra sản phẩm kem ở phân khúc cao cấp có thương hiệu Celano.  
Vốn điều lệ tăng đạt mức 50 tỷ đồng.

**2005**

**2007**  
Tăng vốn điều lệ đạt 69 tỷ đồng.

**2006**  
Thâm nhập ngành hàng sữa chua với thương hiệu Wel Yo.

Gia tăng năng lực sản xuất ở phía Nam bằng việc thành lập Nhà máy Thực phẩm Đông lạnh KIDO tại Củ Chi.

**2011**

Vốn điều lệ 400 tỷ đồng.

**2015**

**2017**  
Đưa cổ phiếu KIDO Foods niêm yết trên sàn chứng khoán.

**2016**  
Vốn điều lệ tăng lên 560 tỷ đồng.  
Vận hành nhà máy thứ 2 tại miền Bắc.  
Thâm nhập ngành hàng thực phẩm đông lạnh dưới thương hiệu KIDO Foods.

**560**  
TỶ ĐỒNG

Tiếp tục củng cố vị thế của Công ty trên thị trường Kem và từng bước thâm nhập vào lĩnh vực thực phẩm đông lạnh.

**2018**

Tiếp tục củng cố và phát triển ngành kem tạo đà để thâm nhập vào những ngành hàng mới.

**2019**





## CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI



Cơ sở, động lực thúc đẩy sự tăng trưởng liên tục của KIDO Foods là tạo ra giá trị dựa trên nền tảng tiếp cận 3P: Con người (People), Sản phẩm (Product), Nền tảng (Platform).



KIDO Foods là thành viên của Tập đoàn KIDO – Tập đoàn được thành lập vào năm 1993 với vị thế là nhà sản xuất và phân phối sản phẩm bánh kẹo cho người tiêu dùng Việt Nam. Năm 2015, Tập đoàn đã chuyển đổi và hướng đến mục tiêu trở thành Tập đoàn Thực phẩm lớn mạnh. Hiện, Tập đoàn có danh mục lớn các sản phẩm để phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng, từ thực phẩm đông lạnh, thực phẩm mát, thực phẩm tươi đến thực phẩm thiết yếu. Và KIDO Foods là một thành viên quan trọng của Tập đoàn trong lĩnh vực đông lạnh nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược này. Cơ sở, động lực thúc đẩy sự tăng trưởng liên tục của KIDO Foods là tạo ra giá trị dựa trên nền tảng tiếp cận 3P: Con người (People), Sản phẩm (Product), Nền tảng (Platform).



### CON NGƯỜI

Chúng tôi luôn tập trung vào yếu tố con người: Từ người tiêu dùng, các thành viên tham gia vào quá trình sản xuất, cung ứng sản phẩm, đến các đối tác kinh doanh, các cổ đông đã đồng hành cùng với KIDO Foods. Chúng tôi luôn cân bằng trong mối quan hệ với các đối tác. Có thể nói rằng, con người là yếu tố quan trọng trong sự thành công của Công ty. Chúng tôi duy trì việc hỗ trợ và phát triển thể hệ lãnh đạo kế thừa gồm những thành viên sẽ đảm đương những vị trí độc lập và quan trọng trong Tập đoàn. Chúng tôi xem mỗi thành viên như một chủ doanh nghiệp và những thành viên này có quyền tự quyết trong việc thiết lập mối quan hệ đối tác cả bên trong và ngoài Công ty nhằm thúc đẩy doanh nghiệp tiếp tục phát triển.



### NỀN TẢNG

Để quản lý và hợp nhất một doanh nghiệp có phạm vi hoạt động kinh doanh rộng, chúng tôi phải có các hệ thống, qui trình được chuẩn hóa, xác định rõ ràng nhiệm vụ cho từng bộ phận. Sự thành công của doanh nghiệp được xác định bởi khả năng thực thi, phối hợp của các đơn vị trong toàn Tập đoàn và điều này đòi hỏi các quy trình triển khai đều được thấu hiểu và được các thành viên phối hợp tốt. KIDO Foods đã làm được điều này nhờ vào các nền tảng tích hợp từ Tập đoàn. Các nền tảng về tổ chức và hoạt động sẽ giúp Tập đoàn tăng cường tính hợp tác và hỗ trợ thực thi chiến lược cũng như các hoạt động nhằm thúc đẩy tăng trưởng và lợi nhuận tại mỗi công ty thành viên.



### SẢN PHẨM

Năng lực sản phẩm là yếu tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp và đổi mới, sáng tạo là giá trị cốt lõi cho chiến lược phát triển trong tương lai của KIDO Foods. Mục tiêu chinh phục gian bếp của người tiêu dùng Việt mà chúng tôi hướng đến phụ thuộc rất nhiều vào việc tạo ra một danh mục sản phẩm phù hợp đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Kinh nghiệm cùng với sự thấu hiểu khách hàng tích lũy trong suốt hơn 26 năm qua đã giúp chúng tôi tạo ra các sản phẩm và thương hiệu thành công trên thị trường. Trong thời gian qua, KIDO Foods cũng đã tiến thêm một bước dài trong việc tạo lập ra một dòng sản phẩm tiện lợi mang tính giải pháp cao cho người tiêu dùng. Các sản phẩm, dòng sản phẩm và thương hiệu này phản ánh khả năng am hiểu thị trường của doanh nghiệp và cũng là những giá trị mà chúng tôi tin tưởng, đó là các sản phẩm an toàn, dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe.

## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI

Chiến lược của Tập đoàn KIDO là tận dụng hệ thống kênh phân phối rộng khắp cả nước để cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm phù hợp với nhu cầu, đúng thời điểm và độc đáo. KIDO Foods là đơn vị kinh doanh chủ lực của KIDO trên kênh phân phối ngành hàng thực phẩm đông lạnh, thực phẩm mát, thực phẩm tươi và những ngành hàng kinh doanh có điều kiện mà Công ty đang hướng tới. Để đạt được mục tiêu chung của cả Tập đoàn, KIDO Foods cùng Ban Điều hành của mỗi đơn vị kinh doanh phải cùng nhau phối hợp thực hiện để đáp ứng kịp thời sự thay đổi của thị trường và người tiêu dùng. Để thực hiện điều này, các mô hình vận hành được cấu trúc rõ ràng và tích hợp với các chức năng tập trung và phi tập trung, mỗi vị trí sẽ có vai trò và trách nhiệm khác nhau.

### QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN



KIDO Foods cùng Ban Điều hành của mỗi đơn vị kinh doanh phải cùng nhau phối hợp thực hiện để đáp ứng kịp thời sự thay đổi của thị trường và người tiêu dùng. Để thực hiện điều này, các mô hình vận hành được cấu trúc rõ ràng và tích hợp với các chức năng tập trung và phi tập trung, mỗi vị trí sẽ có vai trò và trách nhiệm khác nhau.

### QUẢN LÝ CÔNG TY

- Thực hiện các chiến lược của Tập đoàn và giám sát việc phối hợp giữa các bộ phận của Công ty trong việc hiện thực các chiến lược đề ra.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất và kết quả hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các chiến lược.
- Đạt các mục tiêu đưa ra hàng năm, và các kế hoạch, chiến lược mang tính chất dài hạn.

Việc quản lý tập trung đối với một hoạt động nào đó sẽ được cân nhắc khi các hoạt động này đòi hỏi vốn đầu tư dài hạn vào hạ tầng cơ sở và có thể tối đa hóa lợi nhuận khoản đầu tư. Quản lý phi tập trung sẽ dành cho hoạt động liên quan đến thị trường và người tiêu dùng bởi tính ngắn hạn cũng như những yêu cầu thay đổi nhanh để ứng biến với những thay đổi từ thị trường, người tiêu dùng.



## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)

### CƠ CẤU TỔ CHỨC



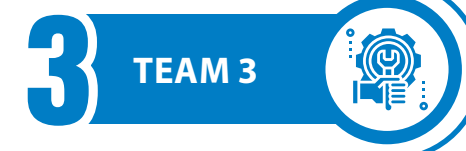
Công ty được dẫn dắt bởi Ban Quản trị EMC có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn nhằm đạt được các kết quả kinh doanh đề ra.



**Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng:** Tìm hiểu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường, từ đó cung cấp các thông tin và phản hồi các dữ liệu cần thiết cho Công ty. Team hỗ trợ (Team 2 & Team 3) có chức năng song hành cùng Team kinh doanh để thực hiện các ý tưởng do Team 1 đưa ra nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng và cũng như dự báo trước được xu hướng của thị trường.



**Team 2 hay còn gọi là Team quản lý chuỗi Cung ứng:** Có trách nhiệm phụ trách đến khâu cuối cùng đến khi sản phẩm ra thị trường bao gồm kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng, logistic và kho vận. Tại KIDO Foods, Team 2 đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo tính cạnh tranh của doanh nghiệp đồng thời cũng là thành tố chủ đạo trong việc đảm bảo các sản phẩm được sản xuất, đóng gói và vận chuyển với nhiệt độ phù hợp đến các điểm bán hàng bằng phương tiện vận chuyển lạnh nhằm duy trì tốt nhất chất lượng sản phẩm. Với đặc trưng của sản phẩm chúng tôi sản xuất, SCM là một thành phần cốt lõi đảm bảo các sản phẩm được sản xuất, đóng gói, phân phối và bán tại mỗi điểm bán hàng ở nhiệt độ phù hợp với chất lượng cao nhất. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo chính xác chủng loại sản phẩm và số lượng sản phẩm được phân bổ, vận chuyển đến đúng địa điểm; tất cả những điều này đều góp phần giúp tăng tối đa hiệu quả chất lượng sản phẩm được quản lý đồng nhất trên toàn quốc.

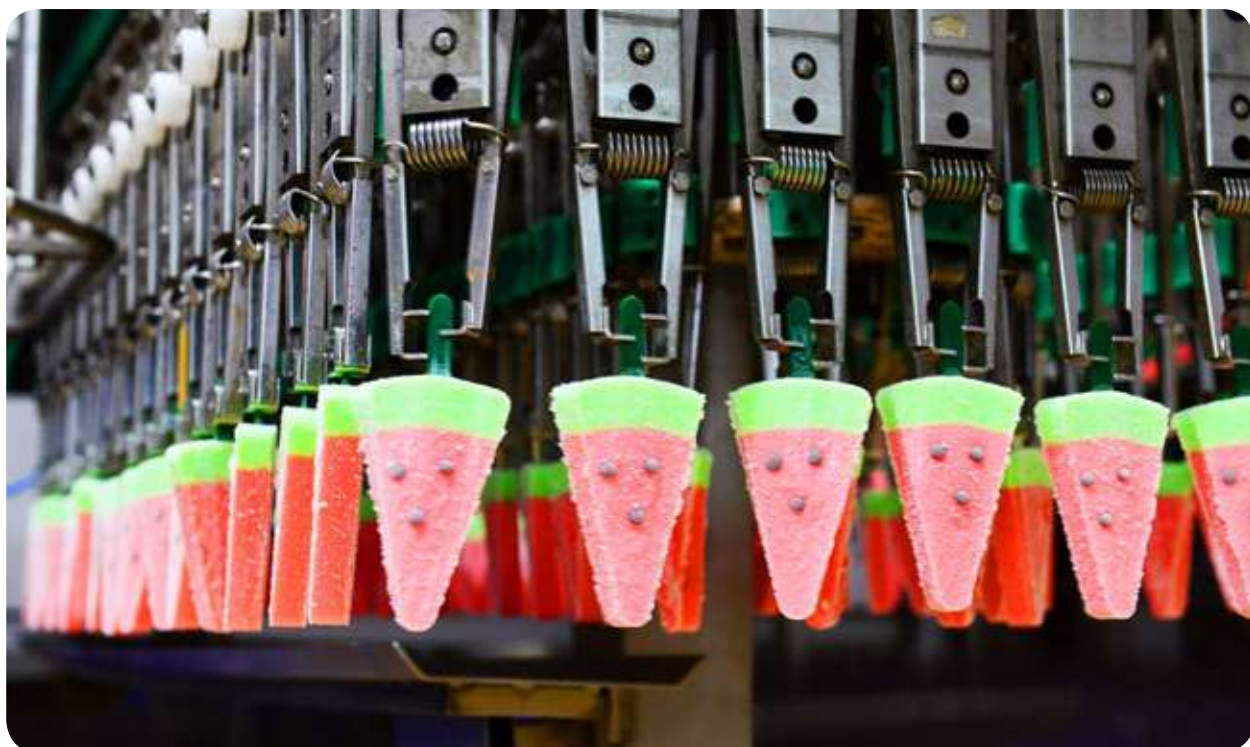


**Team 3 bao gồm các bộ phận kiểm soát và hỗ trợ:** Là các nhóm chuyên trách thực hiện các mảng liên quan đến nhân sự, hành chính, kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ. Bản chất các hoạt động của Team 3 liên quan đến hệ thống cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp, vì vậy các mảng như công nghệ thông tin, quản lý quá trình kinh doanh, truyền thông, quan hệ với nhà đầu tư, quản lý đơn hàng và tài chính, được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và các giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan tới việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.





## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)



Là công ty thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, mỗi ngày, thương hiệu của chúng tôi mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm có giá trị cao, chất lượng, dinh dưỡng hướng đến phục vụ cho hơn 85% dân số Việt Nam tại hơn 63 tỉnh thành khắp cả nước.



Hàng năm, chúng tôi không ngừng củng cố, gia tăng thị phần ngành lạnh và tiếp tục thâm nhập vào các thị trường mới, ngành mới nhằm phục vụ lượng khách hàng rộng lớn hơn, đa dạng hơn. Thị phần của KIDO Foods trong lĩnh vực kem liên tục tăng trưởng và hiện đang dẫn đầu thị trường khẳng định mức độ yêu thích của người tiêu dùng đối với các sản phẩm của Công ty. Đây cũng là nền tảng vững chắc để chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng trong ngành hàng kem và mở rộng danh mục sản phẩm sang các ngành hàng mới ở lĩnh vực thực phẩm đông lạnh trong tương lai.



### QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Với phương châm chất lượng sản phẩm quan trọng hàng đầu, KIDO Foods luôn dành toàn bộ nguồn lực, tâm huyết và sự sáng tạo để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như liên tục giới thiệu sản phẩm mới nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng và trào lưu thị trường. Được sản xuất bằng công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới từ nguyên liệu ngoại nhập cũng như hàng đầu Việt Nam, sản phẩm của KIDO Foods có chất lượng thơm ngon, vệ sinh an toàn thực phẩm như đã cam kết và đồng nhất.

Bên cạnh đó, do sản phẩm đặc thù ngành lạnh/mát, chúng tôi còn áp dụng các phương thức tốt nhất trong lưu trữ, phân phối sản phẩm để giữ nguyên chất lượng sản phẩm khi đến tay người tiêu dùng. Đảm bảo chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất trong tất cả các khâu từ Nghiên cứu & phát triển sản phẩm đến sản xuất & phân phối, quản lý chất lượng. Đây là nền tảng để KIDO Foods chiếm lĩnh thị trường và tiếp tục nhận được sự tin yêu của người tiêu dùng đối với sản phẩm và thương hiệu của Công ty, đồng thời sẽ giúp chúng tôi phát huy tối đa lợi thế và hiệu quả trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh.



### NHÀ MÁY CỬ CHI

Nằm trong KCN Tây Bắc Củ Chi, Nhà máy KIDO với diện tích gần 24.000 m<sup>2</sup> được xây dựng để sản xuất các sản phẩm mang các thương hiệu hàng đầu như kem Celano, kem Merino, sữa chua và bánh bao KIDO Foods. Từ năm 2011, Công ty đã mở rộng, tăng gấp đôi công suất sản xuất kem và sữa chua. Với phạm vi sản xuất bao gồm hơn 80 loại sản phẩm khác nhau, Nhà máy Củ Chi được xây dựng để hiện thực hóa tầm nhìn đưa KIDO Foods trở thành đơn vị sản xuất các sản phẩm kem và thực phẩm đông lạnh hàng đầu tại Việt Nam.

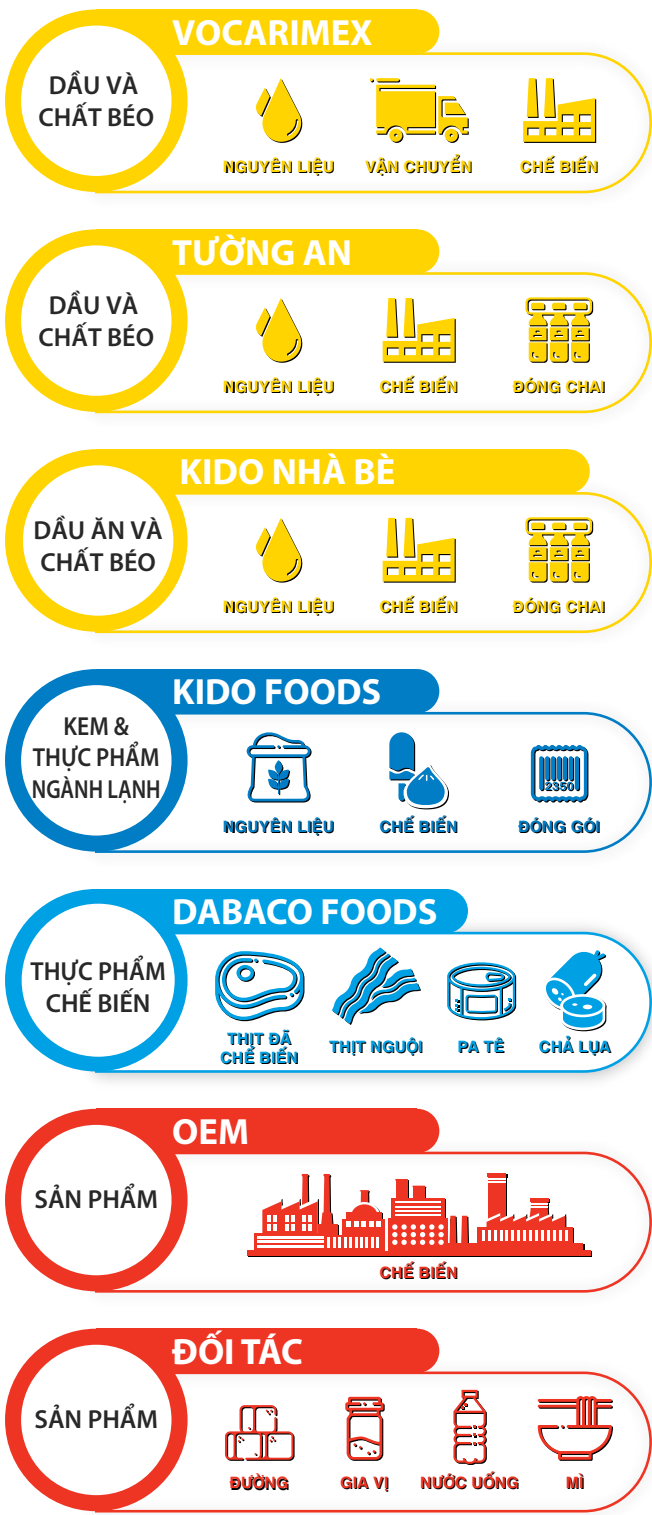


### NHÀ MÁY BẮC NINH

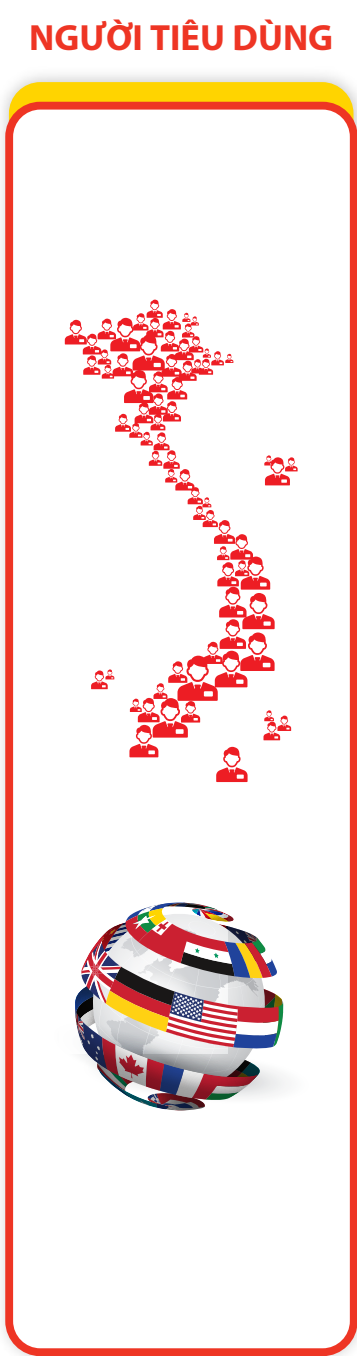
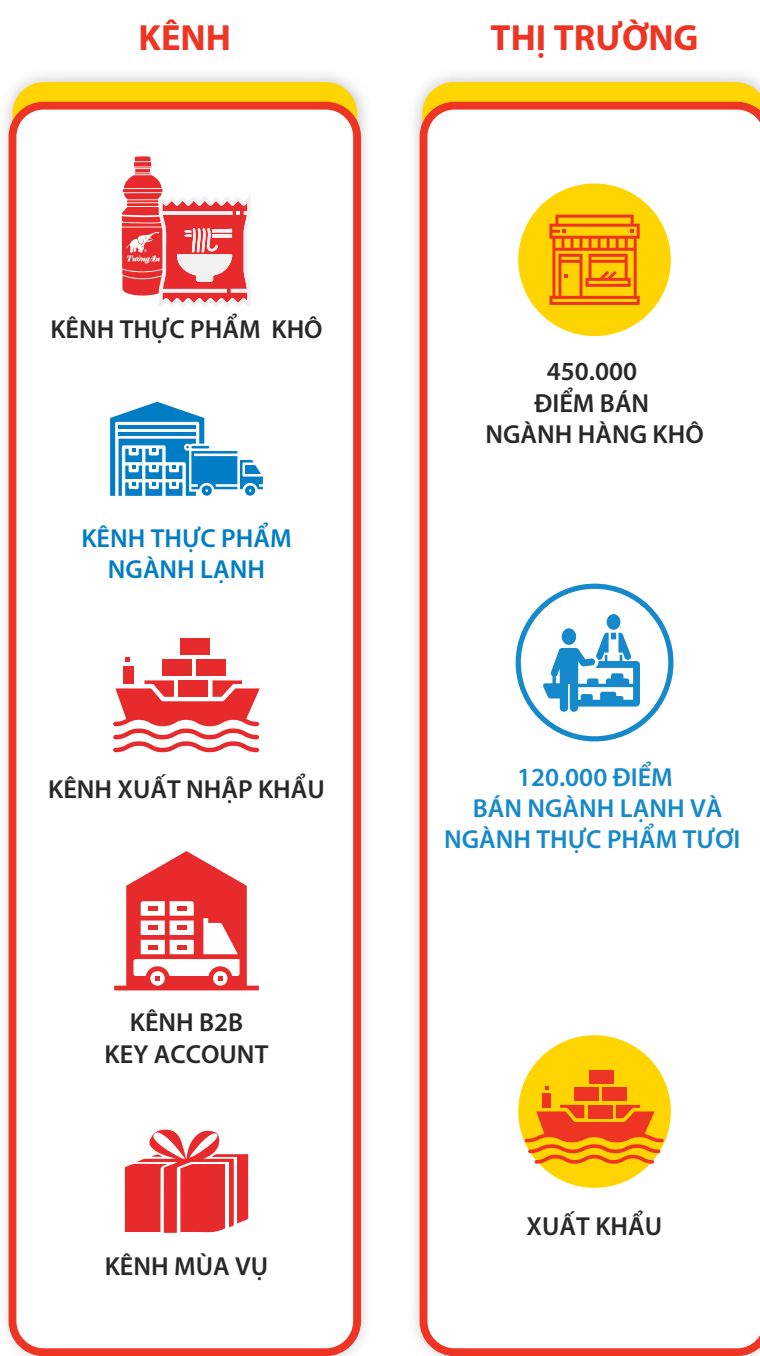
Nằm cách Hà Nội 25km, nhà máy Bắc Ninh được xây dựng trên diện tích 25.000m<sup>2</sup> thuộc khu công nghiệp Việt Nam - Singapore ở Bắc Ninh. Đây là nhà máy được trang bị công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến nhất từ các nước châu Âu và chính thức đi vào hoạt động vào cuối năm 2016.



# MÔ HÌNH KINH DOANH



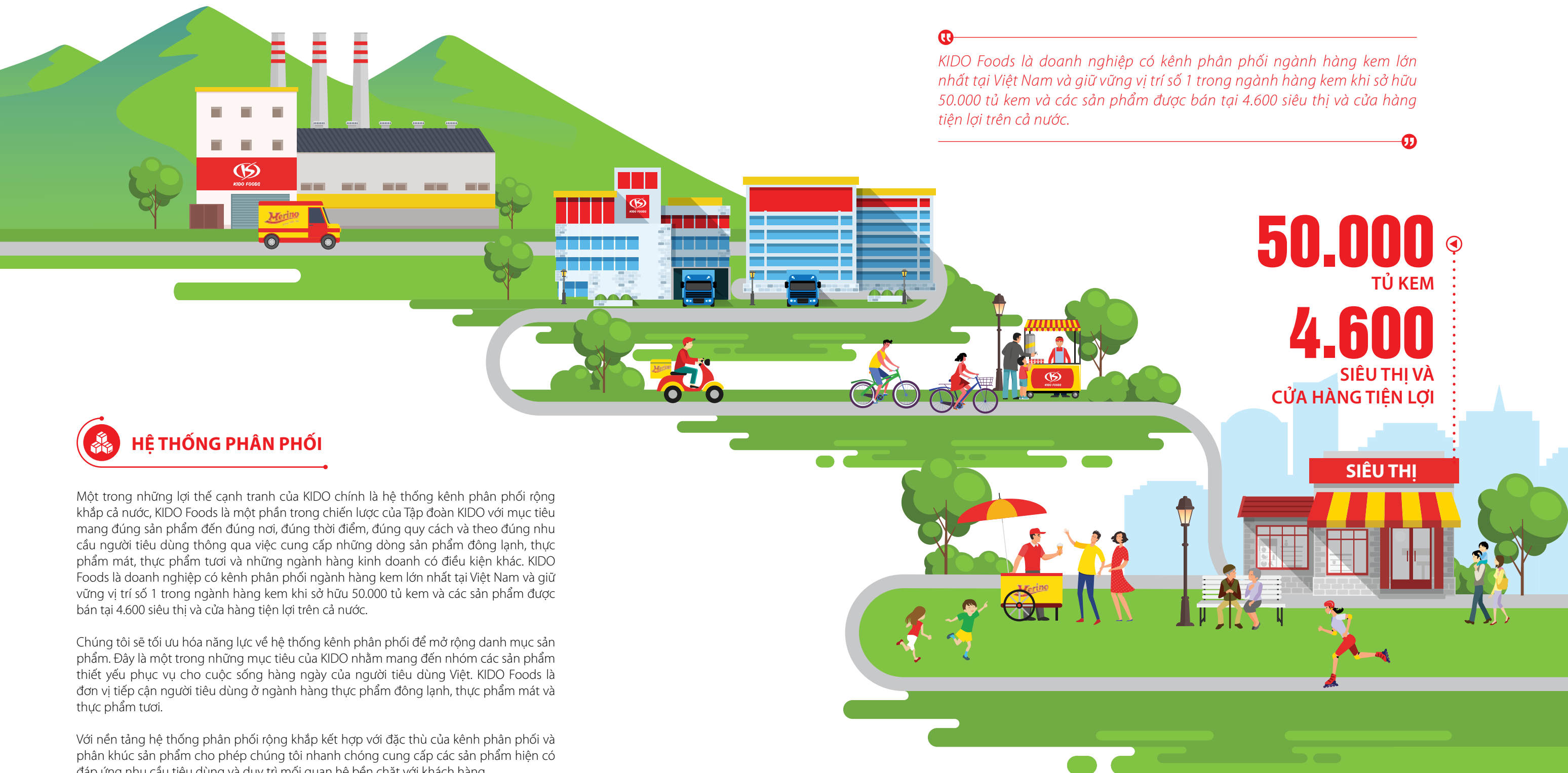
## NỀN TẢNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO







## MÔ HÌNH KINH DOANH (tiếp theo)



KIDO Foods là doanh nghiệp có kênh phân phối ngành hàng kem lớn nhất tại Việt Nam và giữ vững vị trí số 1 trong ngành hàng kem khi sở hữu 50.000 tủ kem và các sản phẩm được bán tại 4.600 siêu thị và cửa hàng tiện lợi trên cả nước.



**50.000**  
TỦ KEM

**4.600**  
SIÊU THỊ VÀ  
CỬA HÀNG TIỆN LỢI



## HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Một trong những lợi thế cạnh tranh của KIDO chính là hệ thống kênh phân phối rộng khắp cả nước, KIDO Foods là một phần trong chiến lược của Tập đoàn KIDO với mục tiêu mang đúng sản phẩm đến đúng nơi, đúng thời điểm, đúng quy cách và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng thông qua việc cung cấp những dòng sản phẩm đông lạnh, thực phẩm mát, thực phẩm tươi và những ngành hàng kinh doanh có điều kiện khác. KIDO Foods là doanh nghiệp có kênh phân phối ngành hàng kem lớn nhất tại Việt Nam và giữ vững vị trí số 1 trong ngành hàng kem khi sở hữu 50.000 tủ kem và các sản phẩm được bán tại 4.600 siêu thị và cửa hàng tiện lợi trên cả nước.

Chúng tôi sẽ tối ưu hóa năng lực về hệ thống kênh phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm. Đây là một trong những mục tiêu của KIDO nhằm mang đến nhóm các sản phẩm thiết yếu phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của người tiêu dùng Việt. KIDO Foods là đơn vị tiếp cận người tiêu dùng ở ngành hàng thực phẩm đông lạnh, thực phẩm mát và thực phẩm tươi.

Với nền tảng hệ thống phân phối rộng khắp kết hợp với đặc thù của kênh phân phối và phân khúc sản phẩm cho phép chúng tôi nhanh chóng cung cấp các sản phẩm hiện có đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và duy trì mối quan hệ bền chặt với khách hàng.

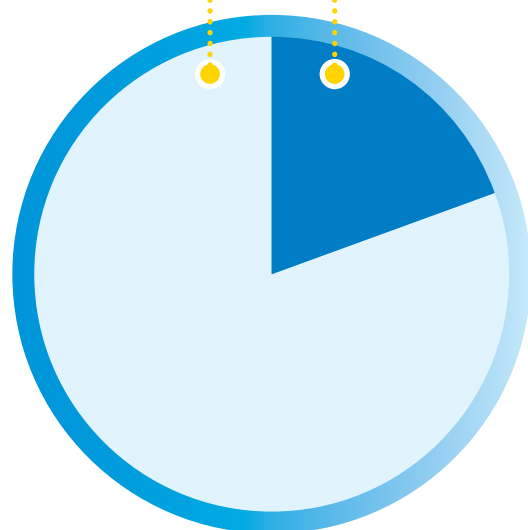


## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách chốt ngày 25/07/2019)

STT	Diễn giải	Số lượng chứng khoán nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước		
	Cá nhân	8.564.833	15,29
	Tổ chức	36.400.100	65,00
	CỘNG	44.964.933	80,29
2	Nước ngoài		
	Cá nhân	1.029.867	1,84
	Tổ chức	10.005.200	17,87
	CỘNG	11.035.067	19,71
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.000.000</b>	<b>100</b>

80,29% Cổ đông trong nước  
19,71% Cổ đông nước ngoài



Biểu đồ cơ cấu cổ đông

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Ngày 16/10/2019 Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO đăng ký mua Cổ phiếu Quỹ, số lượng đăng ký 2.500.000 CP

Ngày bắt đầu giao dịch 23/10/2019

Ngày kết thúc giao dịch 21/11/2019

Số lượng CP Quỹ đã mua: 1.840.000 CP

Số lượng CP nắm giữ sau khi giao dịch: 1.840.000 CP

### GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ & CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Ngày	Tên nhà đầu tư	Trước giao dịch		Sau giao dịch		Số lượng đã giao dịch mua/bán
			Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
<b>CỔ ĐÔNG NỘI BỘ</b>							
1	18/04/2019	Bà TRẦN THỊ THUY LINH Phó Tổng Giám đốc KDF	50.000	0,09%	60.000	0,11%	10.000
2	26/11/2019	Bà NGUYỄN THỊ OANH Trưởng Ban Kiểm soát KDF	25.000	0,04%	-	0,00%	25.000
3	2/12/2019	Bà TRẦN THỊ THUY LINH Phó Tổng Giám đốc KDF	60.000	0,11%	15.000	0,03%	45.000
<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>							
4	11/10/2019	TUNDRA VIETNAM FUND TUNDRA SUSTAINABLE FRONTIER OPPORTUNITIES FUND	993.300 1.820.700	1,77% 3,25%	632.000 1.820.700	1,13% 3,25%	361.300 -
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.814.000</b>	<b>5,03%</b>	<b>2.452.700</b>	<b>4,38%</b>	<b>361.300</b>

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ (Cổ phiếu)

1.840.000



## CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số lượng người lao động 1.327 lao động (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019). Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, cơ cấu lao động hợp lý.

 **1.327**  
Lao động

Bảng thống kê nhân sự của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Trình độ	Số lượng Nhân viên
1	Thạc sĩ	2
2	Đại học	251
3	Cao đẳng	136
4	Trung cấp chuyên nghiệp	120
5	Sơ cấp nghề	1
6	Lao động phổ thông	817
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.327</b>

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### CHÍNH SÁCH TUÂN THỦ THEO PHÁP LUẬT

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ tuân thủ theo pháp luật: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

Liên tục cập nhật các quy định của pháp luật và ban hành các quy chế, nội quy lao động, ký kết thỏa ước lao động tập thể và phối hợp cùng Công đoàn để ký kết có các điều khoản có lợi cho người lao động như: Chế độ ốm đau, kết hôn – ma chay, thai sản, hỗ trợ tiền gửi xe và CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

Không có xảy ra các tranh chấp lao động tập thể, lãng công, đình công trái pháp luật. Không có vụ tai nạn lao động xảy ra trong doanh nghiệp.

Ngoài việc tuân thủ pháp luật, Công ty còn tham gia một số chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe "KIDO khỏe" cho toàn bộ CBCNV nhằm đảm bảo CBCNV an tâm trong việc kiểm tra sức khỏe cho bản thân, tầm soát được các bệnh phát sinh và chữa trị kịp thời với gói khám đã được thiết kế sẵn và được Bảo hiểm Chăm sóc Sức khỏe thanh toán 100%.

### HOẠT ĐỘNG CHĂM LO ĐỜI SỐNG CỦA CÁN BỘ CBCNV

Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động vui chơi, hội thi vào các dịp lễ, Tết như: Hội thi trang trí Tết, Hội thao – Văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBCNV và tặng quà vào các dịp Tết trung thu, Tết Nguyên Đán...

Công ty tạo điều kiện cho CBCNV vào các dịp lễ, Tết bằng việc thanh toán tiền lương, tiền thưởng sớm hơn quy định, bố trí cho CBCNV được nghỉ Tết sớm để có nhiều thời gian chuẩn bị cho Tết Âm lịch.

Hoạt động kêu gọi tấm lòng tương thân tương ái, hỗ trợ gia đình CBCNV có những hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn (gặp lũ lụt, bão lớn, bệnh nặng với chi phí chữa trị cao...).

Công ty phối hợp với Công đoàn đẩy mạnh các chương trình phúc lợi cho CBCNV được mua sản phẩm Công ty với giá ưu đãi 10 -15%/ sản phẩm và nhiều chương trình khác.

Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh tại văn phòng như: Yoga, nhảy hiện đại,... nhằm nâng cao sức khỏe cho CBCNV và tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo.

### CÔNG TÁC AN TOÀN BẢO HỘ LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Công ty tổ chức định kỳ công tác tập huấn phòng cháy chữa cháy cho CBCNV khối văn phòng và nhà máy. Đồng thời phát động phòng trào tuần lễ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Công ty.

Từ 05/2019, Công ty đã triển khai tháng hành động an toàn vệ sinh lao động bằng việc tăng cường đánh giá, quản lý các nguy cơ, rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

### CHĂM LO NỮ LAO ĐỘNG

Xây dựng các chế độ chính sách cho nữ và các hoạt động truyền thống nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, quà mừng sinh con,... và hàng loạt các chương trình khác.

### CHĂM LO THIẾU NHI

Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn tạo ra những sân chơi bổ ích cho con của CBCNV như: Tặng quà nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6, phá cỗ đêm trăng rằm và đặc biệt chương trình khen thưởng học sinh giỏi được tổ chức thường niên mỗi năm tạo ra một sân chơi bổ ích cho các em và tạo động lực phấn đấu cho các em trong những năm tiếp theo.

### CHÍNH SÁCH THƯỞNG KINH DOANH VÀ KHEN THƯỞNG

Công ty luôn có chính sách khen thưởng: Lương tháng 13, thưởng theo hoạt động kinh doanh cho CBCNV khi kết thúc năm vào mỗi dịp trước Tết Âm lịch đảm bảo CBCNV luôn có một cái Tết ấm no, đủ đầy.

Công ty thường xuyên khuyến khích và khen thưởng người lao động có những sáng tạo, sáng kiến, cải tiến trong quá trình làm việc, sản xuất.

### ĐÀO TẠO

Tổ chức đào tạo hội nhập về các thông tin cơ bản như: nội quy, quy chế, chính sách của từng phòng ban cho các CBCNV mới vào nhận việc.

Đào tạo nghiệp vụ định kỳ và quy định pháp luật về An toàn lao động, An toàn vệ sinh thực phẩm, sơ cấp cứu, xử lý lò hơi, vận hành điện, một số chương trình đào tạo thực hiện trên dây chuyền sản xuất.

Đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho các cấp quản lý cấp trung, cấp cao thông qua các đào tạo bên ngoài: Quản trị dự án, quản lý thời gian và một số kỹ năng mềm cho nhân viên; đặc biệt các buổi đào tạo nội bộ: Quản trị chiến lược, quản trị tài chính cho khối kinh doanh, quản trị nhân sự cho cấp quản lý với những chuyên gia là quản lý cấp cao tại công ty.

### TRIỂN KHAI SỬ DỤNG HỆ THỐNG ONLINE

IT hóa các hệ thống quản lý nhằm tối ưu hóa việc tiếp cận thông tin và giúp cho việc vận hành hệ thống nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm thời gian.



## CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

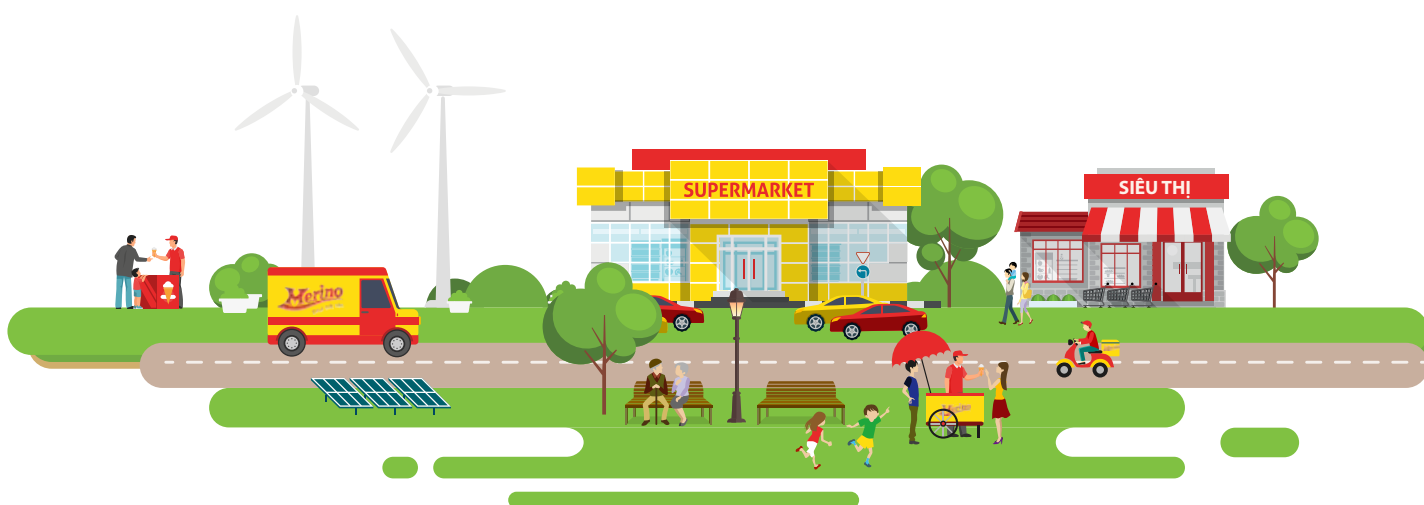
Tập đoàn KIDO nói chung và Công ty KIDO Foods nói riêng luôn coi Sản phẩm là nền tảng của mọi hoạt động và yếu tố quyết định cho sự thành công. Là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành Kem, mục tiêu của KIDO Foods là thỏa mãn tất cả các nhu cầu của tất cả các nhóm đối tượng khách hàng trên toàn quốc bằng chất lượng phù hợp & sự đa dạng sản phẩm.



Năng lực và kinh nghiệm của các chuyên gia cộng với sự am hiểu người tiêu dùng trong gần 20 năm qua giúp chúng tôi liên tục cải tiến, làm bền sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực và giới thiệu những sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh chóng của người tiêu dùng, đặc biệt là giới trẻ, cũng như giúp điểm bán thuận tiện hơn, lợi nhuận hơn trong việc kinh doanh sản phẩm KIDO Foods.



Không chỉ là món ăn vặt khi dạo phố, vui chơi, KIDO Foods hướng tới kem là món thưởng thức, dessert tại nhà cho cá nhân lẫn gia đình sau mỗi bữa ăn, sau giờ học, làm việc căng thẳng hay những lúc sum vầy cùng những người thân yêu. Bên cạnh những kem hộp quen thuộc, chúng tôi phát triển thêm sản phẩm mới có hương vị, quy cách phù hợp để thỏa mãn nhu cầu ngày càng lớn này.



Năm 2019 vừa qua, KIDO Foods tập trung tối đa vào thế mạnh của mình là Kem và các sản phẩm đông lạnh. Chúng tôi xem đây là năm bản lề, là bàn đạp để tiến hành chiến lược mở rộng ngành hàng trong thời gian tới. Ngoài việc quay lại với ngành Bánh bao, Xúc xích đông lạnh, hàng loạt ngành hàng mới thuộc nhóm mặt hàng kinh doanh có điều kiện như thực phẩm mát và thực phẩm tươi đang từng bước được chuẩn bị và gia nhập. Đây là một phần quan trọng trong chiến lược mở rộng ngành hàng và cũng chính là những nguồn lực tăng trưởng quan trọng để KIDO Foods phát triển mạnh mẽ hơn nữa, tiến xa hơn nữa trong tương lai.





# CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM (tiếp theo)



## THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH



### GIẢI KHÁT / GIẢI NHIỆT



Kem que Dưa hấu



Kem que Kool

### ĂN CHƠI / ĂN VẶT



Kem que X



Kem que Yeah



Kem que Chè Thái



Kem Chuối



Kem Super Teen



Kem ly

### CHIA SẺ TẠI NHÀ



Kem hộp



Single pack X



Single pack Yeah



Single pack Super Teen

### THƯỜNG THỨC / TRÁNG MIỆNG



Kem cone Classic



Kem cone Xtra



Kem que Passion



Kem viên



Kem ly



Kem ly Smoothie

### ĐẶC SẢN THẾ GIỚI



Kem bánh Cá



Kem ly Trà sữa

### TẬN HƯỞNG TẠI NHÀ



Kem hộp



Single Pack Cone



Single pack Passion

### ĂN VẶT DINH DƯỠNG



Sữa chua dẻo cam



Sữa chua dẻo chanh dây



Sữa chua dẻo tự nhiên

### THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH



Bánh bao Khoai môn



Bánh bao Thịt, Trứng muối



Khoai tây Hallo



Xúc xích Banger

**Merino**  
Dzùl Bất Tận

**Celano**  
Premium Ice-cream

**Wel Yô**

**KIDO FOODS**



## DANH MỤC SẢN PHẨM



**Celano**  
Premium Ice-cream

Là nhãn hàng kem cao cấp của KIDO Foods, Celano là sự kết hợp giữa thưởng thức kem & tận hưởng cuộc sống. Được sản xuất từ sữa và nguyên liệu cao cấp ngoại nhập, kem béo mịn với nhiều hương vị quốc tế khác nhau như Vani, Socola, Pistachio... quyện cùng sốt và các loại hạt/mứt mang đến sự thơm ngon khó cưỡng.

Bên cạnh các dòng kem quen thuộc, Celano còn hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu không ngừng thay đổi và nâng cao của người tiêu dùng bằng các dòng sản phẩm đầy sáng tạo, mang tính dessert hay mang hương vị có tính xu thế như kem bánh cá, kem ly Trà sữa Trân Châu, ly Smoothie cao cấp... Nhờ đó, Celano tiếp tục được yêu thích và đang dẫn đầu phân khúc kem cao cấp về thị phần lẫn độ nhận biết thương hiệu.



**Merino**

Với hương vị truyền thống là nền tảng, Merino phục vụ cho nhiều nhóm đối tượng khách hàng hơn trên khắp mọi miền đất nước. Năm 2019, Merino còn tạo dấu ấn với kem vị truyền thống nổi tiếng của các nước lân cận như kem chè Thái. Merino cũng tấn công mạnh mẽ phân khúc kem giải khát với kem Dưa hấu và được sự đón nhận cuồng nhiệt của thiếu niên, nhi đồng lẫn điểm bán.

Không chỉ mang đến hương vị thơm ngon, mát lạnh, Merino còn tạo ra niềm "dzui bất tận" mọi lúc, mọi nơi cho người dùng. Merino hiện đang có thị phần đứng đầu thị trường kem Việt Nam, có độ nhận biết thương hiệu 100% và TOM (Top of mind) 43%.

Năm 2020 hứa hẹn nhiều bước đi táo bạo của Merino để khai thác, xâm chiếm các phân khúc mới, các nhu cầu mới của người tiêu dùng để tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu ngành Kem.



**Wel Yo**

Là món ăn hàng ngày quen thuộc của những gia đình Việt quan tâm đến sức khỏe, sữa chua Wel Yo cung cấp dinh dưỡng và bổ sung các dưỡng chất cần thiết hỗ trợ cho sự phát triển lành mạnh, hỗ trợ chức năng miễn dịch cho mọi lứa tuổi. Trước sức ép cạnh tranh quá khốc liệt của các "đại gia" trong ngành, KIDO Foods từng bước rút ra khỏi ngành sữa chua hũ và đi theo hướng riêng phù hợp với thể mạnh cold chain của mình. Đầu tiên là củng cố dòng sữa chua đá Wel Yo, món ăn vặt, giải khát được ưa thích. Tiếp đến sẽ là các dòng sản phẩm mới khác trong năm 2020 nhằm khai thác tối đa nhu cầu sữa chua đông lạnh của người tiêu dùng Việt Nam.



**KIDO FOODS**

KIDO Foods là thương hiệu thực phẩm đông lạnh của Công ty. Cuối năm 2018, trước những biến động đầy bất lợi về giá thịt heo, KIDO Foods tạm thời rút khỏi ngành Bánh bao, Giò chả... nhằm bảo toàn hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2020, chúng tôi sẽ tái khởi động với hương đi mới nhằm tiến gần hơn với mục tiêu xây dựng KIDO Foods trở thành thương hiệu thực phẩm đông lạnh hàng đầu tại Việt Nam.



## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



*Luôn lấy con người là trung tâm để phục vụ, chúng tôi tin rằng một tổ chức chỉ thành công khi phát triển trong môi trường xã hội ổn định. Chúng tôi luôn đảm bảo các sản phẩm của mình được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu an toàn, sử dụng công nghệ hiện đại và luôn tuân theo hệ thống quản lý chất lượng với cam kết về chất lượng và an toàn thực phẩm cao nhất. KIDO Foods luôn ý thức về tác động đối với môi trường và luôn ứng dụng những tiêu chuẩn về môi trường cao nhất để tạo một môi trường Xanh. Cam kết cung cấp và tạo nền tảng vững chắc để đội ngũ nhân sự ngày càng phát triển năng lực bản thân và từ đó đồng hành cùng công ty, KIDO Foods tự hào là thương hiệu gắn liền với những hoạt động vì cộng đồng và thông qua các hoạt động thường niên, các hoạt động từ thiện, xã hội có ý nghĩa.*



## HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI



Bên cạnh hoạt động sản xuất - kinh doanh, KIDO Foods luôn thể hiện trách nhiệm và tình cảm với cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội đầy nhân văn và thiết thực của các nhãn hàng Wel Yo, Merino, Celano như:

- ▶ Trung thu hạnh phúc cùng trẻ em Quận 8, TP. HCM (tặng tập vở, sữa chua,...) vào ngày 13/09/2019 tại Trường THCS Lê Thánh Tôn, Quận 8.
- ▶ Chương trình từ thiện tặng dụng cụ học tập cho trẻ em Đắc Min, Đắc Nông vào 20/10/2019.
- ▶ Chương trình từ thiện tặng dụng cụ học tập cho trẻ em Lớp học tình thương Hiệp Thành, Bình Dương vào thời gian: 24/12/2019.
- ▶ Chương trình tặng quà Tết Dương Lịch cho trẻ em khuyết tật và trẻ em dân tộc Chăm ở Quận 8, TP. HCM và Ninh Thuận vào ngày 01/01/2020.
- ▶ Chuyển xe 0 đồng ngày Tết (tài trợ quà Tết mang về cho con) của các cặp cha mẹ công nhân vào dịp Tết Canh Tý.

## MÔI TRƯỜNG



Chúng tôi cam kết luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường để chứng minh cho cam kết bảo vệ môi trường như:

- ▶ Quản lý sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn như: ISO 14001:2004; ISO 22000:2005; HACCP CODEX CAC/ RCP 1-1969 REV.4-2003; OHSAS 18001:2007 và ISO 9001:2015.
- ▶ Nhà máy Củ Chi vận hành quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn "Xanh" của Ủy Ban Nhân dân TP. HCM nhằm góp phần bảo vệ hệ sinh thái của thành phố. KIDO Foods được bình chọn và trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp Xanh" trong suốt 13 năm qua (từ năm 2006 đến nay).
- ▶ Tuân thủ nghiêm ngặt và thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường như: Sử dụng nhiên liệu xanh như dầu D.O và gas (chuyển nguồn từ gas bình sang bồn gas công nghiệp) trong sản xuất, giảm thiểu việc thải khí carbon ra bên ngoài môi trường bằng việc thay thế toàn bộ thiết bị chiếu sáng thành các đèn LED, chủ động chuẩn hóa & cải tiến các quy trình vệ sinh có sử dụng nước góp phần giảm lượng nước thải và tái sử dụng 1.500 m<sup>3</sup> nước thải, sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ cho các hoạt động sản xuất tại nhà máy.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ



## 03

*Dòng sản phẩm chính yếu*

**SẢN PHẨM ĐA DẠNG VÀ CAO CẤP AM HIỂU KHẨU VỊ VIỆT  
ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA MỌI ĐỐI TƯỢNG**







# MỨC ĐỘ TIẾP CẬN CỦA CHÚNG TÔI




**XE ĐÔNG LẠNH**



**2 NHÀ MÁY**



**50.000 TỦ KEM**



**120.000 ĐIỂM BÁN LẺ**



**TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI**



**XE KEM DI ĐỘNG**



**4.600 SIÊU THỊ CỬA HÀNG TIỆN LỢI**



## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Từ nửa cuối năm 2018, chúng tôi đã tập trung vào các sản phẩm cốt lõi và cải thiện không chỉ khả năng sinh lợi mà còn về chất lượng sản phẩm. Chúng tôi đã định vị tốt để đạt được cả hai chỉ tiêu trên nhằm duy trì vị thế thị trường và tăng trưởng doanh thu các ngành hàng chủ chốt. Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng độ phủ và gia tăng khoảng cách dẫn đầu thị trường so với đối thủ. Việc đầu tư này không chỉ nhằm mục đích mở rộng thị trường mà sẽ được thực hiện theo chiến lược gia tăng năng lực tiếp cận khách hàng.

Trong thời gian tới, trọng tâm của chúng tôi là mở rộng các ngành hàng thực phẩm & đồ uống theo chiến lược phát triển của Tập đoàn và chúng tôi sẽ thực hiện chiến lược đó theo một cách thức ít rủi ro hơn thông qua các đợt tung sản phẩm quy mô vừa và kết nối tốt với người tiêu dùng để đáp ứng đúng khẩu vị.

Các đối thủ trong ngành đẩy mạnh đầu tư, nhưng chủ yếu trên kênh hiện đại (MT). Kênh hiện đại có 03 phân khúc: Siêu thị, chuỗi siêu thị nhỏ lẻ, cửa hàng tiện lợi; KIDO Foods đều trải dài các sản phẩm trên cả ba phân khúc này, đặc biệt KIDO Foods có lợi thế trên chuỗi siêu thị nhỏ lẻ do hệ thống phân phối trải dài toàn quốc, luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường của các chuỗi siêu thị này.



# 1

## SỐ 1 THỊ PHẦN NGÀNH KEM

120.000 ĐIỂM BÁN LẺ



*Trong thời gian tới, trọng tâm của chúng tôi là mở rộng các ngành hàng thực phẩm & đồ uống theo chiến lược phát triển của Tập đoàn và chúng tôi sẽ thực hiện chiến lược đó theo một cách thức ít rủi ro hơn thông qua các đợt tung sản phẩm quy mô vừa và kết nối tốt với người tiêu dùng để đáp ứng đúng khẩu vị.*



Về kênh truyền thống (GT), trong năm 2019, KIDO Foods đã cải thiện các kênh phân phối, lực lượng thị trường, tập trung các kênh chính, phục vụ cho người tiêu dùng tốt hơn. Đối với nhà phân phối, KIDO Foods đã đánh giá và thúc đẩy nhà phân phối mạnh dạn đầu tư kho lạnh, xe tải lạnh để cung ứng sản phẩm kịp thời đến các cửa hàng, đến điểm bán.

Nhận định xu hướng: Bị các ngành hàng ăn vặt khác tác động, với đội ngũ trẻ, năng động, bắt kịp xu hướng bộ phận R&D đã nghiên cứu, sản xuất & tung ra thị trường một số sản phẩm theo thị hiếu như kem dưa hấu, kem cá trà sữa để giành lại thị phần ăn vặt. Cùng với việc tái cấu trúc hệ thống vận hành, sử dụng hiệu quả các ngân sách, cắt giảm chi phí, loại bỏ các sản phẩm không còn hiệu quả KIDO Foods không những hồi phục mà còn phát triển hơn nữa.

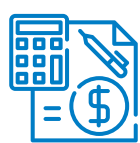


**HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)****1.383**

Tăng 10,1% so với năm 2018

Trong năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.383 tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2018, trước tình hình cạnh tranh gay gắt của đối thủ, chúng tôi đã chủ động tái cấu trúc bộ phận bán hàng, tập trung phát triển khách hàng mới, đồng thời tập trung phát triển những sản phẩm cốt lõi, nghiên cứu và phát triển những sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Trong tương lai, Công ty sẽ tập trung phát triển thêm những sản phẩm cốt lõi, với phân khúc cao cấp (chất lượng tương đương với dòng cao cấp ngoại nhập), thương hiệu và có tỷ trọng lợi nhuận gộp cao.

**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (Tỷ đồng)****623**

Tăng nhẹ 0,3% so với năm 2018

Từ việc tổ chức lại bộ phận bán hàng, tái cấu trúc lại bộ phận quản lý đến việc thực hiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ bán hàng giúp việc kiểm soát hiệu quả chi phí nên chi phí hoạt động kinh doanh của năm 2019 là 623 tỷ đồng chỉ tăng nhẹ 0,3% so với năm 2018. Từ đó giúp gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

**LỢI NHUẬN GỘP (Tỷ đồng)****145**

Tăng 21,81% so với năm 2018

Lợi nhuận gộp tăng tăng 145 tỷ đồng, tăng 21,81% so với năm 2018. Nguyên nhân là do Công ty tăng trưởng Doanh thu (10%), đạt được hiệu quả trong việc quản trị chi phí sản xuất, chi phí hoạt động cùng với việc thực hiện chiến lược cao cấp hóa sản phẩm, tiến hành sản xuất và kinh doanh những sản phẩm có tỷ lệ lợi nhuận cao.

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO (Tỷ đồng)****267**

Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 153,8 tỷ đồng, tương đương tăng 488% so với năm 2018. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do cơ cấu sản phẩm tốt giúp doanh thu năm 2019 tăng 10,1%. Ngoài ra, do kinh doanh hiệu quả giúp Công ty gia tăng dòng tiền, thanh toán trước một phần các khoản vay giúp giảm chi phí lãi vay (giảm 12 tỷ đồng so với năm 2018), cùng với việc tăng hiệu quả sử dụng tài sản giúp cho chi phí khấu hao giảm góp phần cho lợi nhuận tăng.

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (Tỷ đồng)****109**

Tăng 142% so với năm 2018

Cuối năm 2018, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty là 45 tỷ đồng. Cuối năm 2019 lượng tiền tăng 142% từ 45 tỷ đồng tăng lên 109 tỷ đồng. Do hoạt động kinh doanh hiệu quả nên dòng tiền của Công ty tăng mạnh so với năm 2018. Từ đó, giúp Công ty thanh toán được 122 tỷ đồng tiền vay ngân hàng dự án xây dựng nhà máy Bắc Ninh và một phần vốn vay ngắn hạn, 78 tỷ đồng cổ tức cho cổ đông.

**CÁC KHOẢN VAY (Tỷ đồng)****84**

Giảm 59% so với năm 2018

Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn là 84 tỷ đồng, giảm 59% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Các khoản vay giảm là do việc hoàn trả các khoản nợ vay dài hạn tài trợ xây dựng nhà máy Bắc Ninh và giảm vay các khoản vay phục vụ vốn lưu động. Tỷ lệ vay trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,3 lần năm 2018 xuống 0,13 lần vào năm 2019.

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (Tỷ đồng)****581**

Giảm 8% so với cùng thời điểm năm 2018

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định thuần đạt 581 tỷ đồng, giảm 8% so với 644 tỷ đồng tại cùng thời điểm năm 2018. Tài sản giảm chủ yếu do trong năm Công ty khấu hao tài sản cố định sử dụng.

**VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)****672**

Giảm 1% so với năm 2018

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 672 tỷ đồng, giảm 1% so với năm ngoái. Việc giảm này chủ yếu là do Công ty tạm ứng cổ tức năm 2019 cho cổ đông 14% và mua cổ phiếu quỹ giúp ổn định giá cổ phiếu của Công ty.

## ! QUẢN TRỊ RỦI RO



### RỦI RO QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Việc không xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng sẽ mang đến các rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro, chúng tôi cam kết cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và kết nối khách hàng chặt chẽ với chuỗi giá trị trong toàn Tập đoàn thông qua nền tảng cơ sở hạ tầng công nghệ. Mức độ tích hợp và hợp tác mà chúng tôi xây dựng với khách hàng, bao gồm giám sát mức hàng tồn kho, quy trình bán hàng và phản hồi nhanh chóng sẽ giúp giảm thiểu bất kỳ rủi ro nào có liên quan.

Ngoài ra, sản phẩm của chúng tôi giúp cho khách hàng tạo ra được doanh thu và lợi nhuận đáng kể. Vì vậy, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế sẽ là động lực mạnh mẽ để duy trì mối quan hệ này bền vững trong dài hạn.



### BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU THÔ

Thay đổi giá nguyên liệu là một rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến lợi nhuận và biên lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý rủi ro với các nhà cung cấp của mình. Chúng tôi đưa ra trước cho các nhà cung cấp kế hoạch về nhu cầu nguyên liệu rõ ràng và cam kết mức giá mua cố định trong một khoảng thời gian dài nhằm đảm bảo sự ổn định và chắc chắn trong chi phí sản xuất.



### RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ THANH KHOẢN

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể tác động đáng kể đến lãi suất, dẫn đến rủi ro liên quan đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi luôn chủ động theo dõi thị trường, thời gian đáo hạn nợ để đảm bảo rằng chúng tôi có đủ lượng tiền mặt cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp.



### RỦI RO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mở rộng thị trường, công ty cần đầu tư để đáp ứng nhu cầu thị trường đi kèm theo rủi ro trong việc quản lý tài sản trên thị trường. Nhằm tránh những rủi ro về tài sản này, Công ty đã xây dựng, phát triển và ứng dụng phần mềm công nghệ quản lý tài sản tại điểm bán. Việc đưa vào ứng dụng phần mềm này ngoài việc quản lý, kiểm soát tốt tài sản của công ty mà đây còn là công cụ đắc lực giúp cho nhân viên bán hàng thuận lợi hơn trong công việc.





## CÁC CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

HĐQT giám sát chặt chẽ việc quản lý thông báo qua báo cáo hàng quý do Ban Điều hành cung cấp trong các cuộc họp quý.

STT	Quyết Định	Ngày/tháng	Nội dung
1	KDF01/2019/NQ	17/04	Chấm dứt hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO.
2	KDF02/2019/NQ	26/04	Chốt ngày Đăng ký cuối cùng tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019.
3	KDF03/2019/NQ	12/06	Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2019.
4	KDF04/2019/NQ	28/06	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019.
5	KDF05/2019/NQ	01/07	Tạm ứng cổ tức năm 2019.
6	KDF06/2019/NQ	28/08	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu quỹ.
7	KDF07/2019/NQ	18/09	Điều chỉnh nội dung về phương án mua lại cổ phiếu quỹ.
8	KDF08/2019/NQ	01/10	Điều chỉnh nội dung về phương án mua lại cổ phiếu quỹ.

## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

- ▶ Cùng với các hoạt động kiểm tra kiểm soát định kỳ, Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng Quản trị nhằm hiểu rõ và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty.
- ▶ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các bộ phận chức năng đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi nhằm giúp hoàn thành công việc của Ban Kiểm soát.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# LAN TỎA VỊ ĐAM MÊ



DOANH THU THUẦN

# 1.383

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO

# 267

Tỷ đồng



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH KIDO

### Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	61
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	62
Báo cáo kiểm toán độc lập	63 - 64
Bảng cân đối kế toán	65 - 66
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	67
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	68 - 69
Thuyết minh báo cáo tài chính	70 - 91

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO (“Công ty”), trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KI DO, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cho phép Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Theo đó, tên Công ty cũng được đổi thành Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5561/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa, các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng và các loại thực phẩm đông lạnh.

Công ty có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô A2-7, Đường số N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và bốn chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Bắc Ninh và Campuchia.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên
Bà Cao Hoài Thu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Quốc Nguyên được ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 01/2011/CT-UQ ngày 1 tháng 9 năm 2011.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Quốc Nguyên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH KIDO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 và được trình bày từ trang 60 đến trang 91, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Ernest Yoong Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

B01-DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>352.775.165.352</b>	<b>311.053.614.540</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>109.164.327.113</b>	<b>45.117.382.622</b>
111	1. Tiền		60.264.327.113	30.117.382.622
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.900.000.000	15.000.000.000
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>136.401.825.277</b>	<b>159.294.877.739</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		72.245.227.803	64.956.070.386
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.509.194.504	40.864.926.559
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		51.647.402.970	53.473.880.794
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>100.753.989.852</b>	<b>98.836.258.364</b>
141	1. Hàng tồn kho		103.176.808.476	99.397.607.695
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.422.818.624)	(561.349.331)
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.455.023.110</b>	<b>7.805.095.815</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	6.094.931.234	3.491.539.090
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.626.021.336
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	360.091.876	1.687.535.389
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>676.053.533.930</b>	<b>744.307.704.565</b>
210	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>556.542.650</b>	<b>5.661.937.801</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	556.542.650	5.661.937.801
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>580.581.412.655</b>	<b>634.009.899.168</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	576.357.314.466	628.460.579.483
222	Nguyên giá		965.366.916.880	956.700.093.814
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(389.009.602.414)	(328.239.514.331)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	4.224.098.189	5.549.319.685
228	Nguyên giá		16.535.431.891	16.535.431.891
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.311.333.702)	(10.986.112.206)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.293.333.373</b>	<b>18.836.488.688</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.293.333.373	18.836.488.688
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>85.622.245.252</b>	<b>85.799.378.908</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	65.808.636.636	78.905.268.302
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	19.813.608.616	6.894.110.606
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.028.828.699.282</b>	<b>1.055.361.319.105</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		356.259.150.244	375.678.486.224
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		310.370.476.090	268.243.721.209
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	32.006.855.569	58.936.661.636
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	12.071.013.375	3.283.067.460
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	33.375.465.274	49.701.286
314	4. Phải trả người lao động		46.773.575.489	25.260.737.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	75.709.045.132	31.916.321.865
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.133.790.560	7.368.921.163
320	7. Vay ngắn hạn	17	84.195.462.962	136.857.309.930
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	8.162.376.598	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.942.891.131	4.571.000.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		45.888.674.154	107.434.765.015
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	37.540.864.230	31.435.852.336
338	2. Vay dài hạn	17	-	69.806.731.429
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	8.347.809.924	6.192.181.250
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		672.569.549.038	679.682.832.881
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	672.569.549.038	679.682.832.881
411	1. Vốn cổ phần		560.000.000.000	560.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		560.000.000.000	560.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(69.881.990.089)	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.819.000.000	9.819.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		172.632.539.127	109.863.832.881
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		108.491.941.750	82.426.010.259
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		64.140.597.377	27.437.822.622
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		1.028.828.699.282	1.055.361.319.105

Cao Thị Thanh Hồng  
Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Thùy Linh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Quốc Nguyên  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20	1.432.485.086.970	1.283.238.089.767
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	(49.405.909.825)	(25.424.473.548)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	20	1.383.079.177.145	1.257.813.616.219
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(572.900.445.243)	(592.695.427.442)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		810.178.731.902	665.118.188.777
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.835.462.555	2.444.515.897
22	7. Chi phí tài chính	22	(9.056.813.396)	(19.676.587.402)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.017.756.958)	(16.895.969.538)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(528.278.339.260)	(544.027.600.187)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(94.927.107.204)	(77.112.189.389)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		179.751.934.597	26.746.327.696
31	11. Thu nhập khác	26	5.870.824.154	4.764.718.975
32	12. Chi phí khác		(273.526.073)	(44.314.613)
40	13. Lợi nhuận khác		5.597.298.081	4.720.404.362
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		185.349.232.678	31.466.732.058
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(55.728.133.311)	(5.645.330.267)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	12.919.498.010	1.616.420.831
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		142.540.597.377	27.437.822.622
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	2.545	465
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	2.545	465

Cao Thị Thanh Hồng  
Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Thùy Linh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Quốc Nguyên  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		185.349.232.678	31.466.732.058
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn		80.045.247.355	78.839.514.604
03	Lập dự phòng		12.179.474.565	466.444.720
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.115.407)	17.848.544
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.995.626.167)	(4.739.351.052)
06	Chi phí lãi vay	22	5.017.756.958	16.895.969.538
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		276.591.969.982	122.947.158.412
09	Giảm các khoản phải thu		28.734.906.357	103.470.803.226
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.779.200.781)	10.648.725.438
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		59.530.708.241	(20.358.932.817)
12	Giảm chi phí trả trước		8.648.734.127	153.262.679
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.097.357.129)	(18.533.584.979)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(23.176.594.502)	(5.501.332.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		341.453.166.295	192.826.099.344
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(20.831.660.498)	(46.774.199.812)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		12.385.898.593	5.346.872.435
24	Tiền thu hồi cho vay		-	80.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		1.787.049.196	1.828.506.496
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(6.658.712.709)	40.401.179.119
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành		(69.881.990.089)	-
33	Tiền thu từ đi vay	17	146.539.915.234	258.194.871.472
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(269.008.493.631)	(375.909.900.826)
36	Cổ tức đã trả	18.2	(78.403.990.000)	(78.402.660.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(270.754.558.486)	(196.117.689.354)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		64.039.895.100	37.109.589.109
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		45.117.382.622	8.000.838.515
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.049.391	6.954.998
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	109.164.327.113	45.117.382.622



Cao Thị Thanh Hồng  
 Người lập  
 Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Thùy Linh  
 Phó Tổng Giám đốc  
 kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Quốc Nguyên  
 Tổng Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO (“Công ty”), trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KI DO, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5561/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 8 năm 2017.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cho phép Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Theo đó, tên Công ty cũng được đổi thành Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa, các sản phẩm từ sữa, các loại đồ uống không cồn, nước khoáng và các loại thực phẩm đông lạnh. Công ty có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô A2-7, Đường số N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và bốn chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Bắc Ninh và Campuchia.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.327 (31 tháng 12 năm 2018: 1.308).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	4 - 9 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm	3 - 8 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

##### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 Các khoản dự phòng

##### Dự phòng tái cơ cấu

Dự phòng tái cơ cấu phát sinh từ nghĩa vụ liên đới khi Công ty có kế hoạch chi tiết chính thức về việc tái cơ cấu và tạo nên kỳ vọng ở các đối tượng bị ảnh hưởng rằng Công ty sẽ thực hiện việc tái cơ cấu thông qua việc triển khai kế hoạch đó hoặc thông báo các vấn đề chính cho các đối tượng bị ảnh hưởng.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- » Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- » Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.20 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	671.023.869	518.826.897
Tiền gửi ngân hàng	59.593.303.244	29.598.555.725
Các khoản tương đương tiền (*)	48.900.000.000	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.164.327.113</b>	<b>45.117.382.622</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 2,4% đến 5,0% một năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>72.245.227.803</b>	<b>64.956.070.386</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	13.027.163.422	13.055.118.088
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	6.380.530.818	480.086.461
Khách hàng khác	52.837.533.563	51.420.865.837
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	-	9.458.016
<i>Phải thu các bên khác</i>	72.245.227.803	64.946.612.370
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>12.509.194.504</b>	<b>40.864.926.559</b>
Teknoice S.R.L	6.836.609.645	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Hoàng Thịnh	2.280.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc Thuận Phát	1.986.430.772	36.750.428.064
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	-	1.758.000.000
Người bán khác	1.406.154.087	2.356.498.495
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>51.647.402.970</b>	<b>53.473.880.794</b>
Vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.610.712.000	159.278.501
Đặt cọc	30.000.000	2.519.760.000
Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	-	354.383.562
Khác	6.690.970	440.458.731
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	50.000.000.000	50.354.383.562
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.647.402.970	3.119.497.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>136.401.825.277</b>	<b>159.294.877.739</b>

(\*) Khoản này thể hiện phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido theo HĐHTKD số 01/2018/HTĐT/KDF-KDC ngày 20 tháng 11 năm 2018 và hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 6. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	40.132.475.778	43.749.190.651
Thành phẩm	33.756.780.213	32.045.064.252
Công cụ và dụng cụ	24.590.176.303	23.178.518.436
Hàng đang đi trên đường	4.591.787.690	650.000
Hàng hóa	105.588.492	424.184.356
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.176.808.476</b>	<b>99.397.607.695</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.422.818.624)	(561.349.331)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>100.753.989.852</b>	<b>98.836.258.364</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	561.349.331	72.712.415
Dự phòng trích lập trong năm	2.420.133.888	561.349.331
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(558.664.595)	(72.712.415)
Số cuối năm	2.422.818.624	561.349.331

### 7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ	556.542.650	5.661.937.801
Trong đó:		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	-	5.000.000.000
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	556.542.650	661.937.801

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị và dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	303.925.196.124	581.005.054.936	55.451.723.353	16.318.119.401	956.700.093.814
Mua mới	1.906.372.104	14.259.974.621	-	39.800.000	16.206.146.725
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	161.500.000	16.581.930.344	-	-	16.743.430.344
Thanh lý	(2.036.566.039)	(3.565.185.251)	(18.681.002.713)	-	(24.282.754.003)
Số cuối năm	303.956.502.189	608.281.774.650	36.770.720.640	16.357.919.401	965.366.916.880
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>5.791.519.027</i>	<i>72.910.085.680</i>	<i>4.702.865.315</i>	<i>10.880.818.265</i>	<i>94.285.288.287</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	54.122.414.285	230.164.376.570	29.634.421.245	14.318.302.231	328.239.514.331
Khấu hao trong năm	17.330.193.879	53.269.188.833	4.952.732.541	1.323.405.211	76.875.520.464
Thanh lý	(555.505.405)	(2.009.433.754)	(13.540.493.222)	-	(16.105.432.381)
Số cuối năm	70.897.102.759	281.424.131.649	21.046.660.564	15.641.707.442	389.009.602.414
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	249.802.781.839	350.840.678.366	25.817.302.108	1.999.817.170	628.460.579.483
Số cuối năm	233.059.399.430	326.857.643.001	15.724.060.076	716.211.959	576.357.314.466



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và cuối năm	16.535.431.891
<i>Trong đó:</i>	
Đã hao mòn hết	8.022.152.689
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	10.986.112.206
Hao mòn trong năm	1.325.221.496
Số cuối năm	12.311.333.702
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	5.549.319.685
Số cuối năm	4.224.098.189

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt máy móc	7.436.430.979	17.641.437.344
Khác	1.856.902.394	1.195.051.344
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.293.333.373</b>	<b>18.836.488.688</b>

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.094.931.234</b>	<b>3.491.539.090</b>
Phí bảo hiểm	4.626.086.793	476.663.361
Công cụ dụng cụ xuất dùng	790.601.908	1.777.697.915
Khác	678.242.533	1.237.177.814
<b>Dài hạn</b>	<b>65.808.636.636</b>	<b>78.905.268.302</b>
Tiền thuê đất trả trước	60.327.945.619	62.172.451.014
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.745.819.128	15.709.652.120
Khác	734.871.889	1.023.165.168
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.903.567.870</b>	<b>82.396.807.392</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	8.223.283.909	26.743.211.084
Phải trả các bên khác	23.783.571.660	32.193.450.552
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện Bến Thành</i>	4.360.896.238	-
<i>Admiral Industries SDN. BHD</i>	1.288.683.785	885.789.216
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận Tải Tâm Duy Phát</i>	-	1.105.588.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành</i>	-	1.358.264.875
<i>Các bên khác</i>	18.133.991.637	28.843.808.461
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.006.855.569</b>	<b>58.936.661.636</b>

### 13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.082.314.902	222.891.757
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	2.484.517.346	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Phú Thọ	2.239.644.500	-
Các bên khác	4.264.536.627	3.060.175.703
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.071.013.375</b>	<b>3.283.067.460</b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.311.353.822)	55.728.133.311	(23.176.594.502)	31.240.184.987
Thuế GTGT	(23.494.569)	140.388.725.087	(138.371.896.892)	1.993.333.626
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.204.705.826	(12.135.137.970)	69.567.856
Thuế nhà thầu	(352.686.998)	16.089.691	(23.494.569)	(360.091.876)
Thuế khác	49.701.286	4.861.665.619	(4.838.988.100)	72.378.805
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.637.834.103)</b>	<b>213.199.319.534</b>	<b>(178.546.112.033)</b>	<b>33.015.373.398</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	49.701.286			33.375.465.274
<i>Phải thu</i>	(1.687.535.389)			(360.091.876)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiếp thị sản phẩm	67.423.126.056	25.503.072.796
Chi phí vận chuyển	4.398.311.006	5.461.453.639
Chi phí lãi vay	173.829.413	253.429.584
Các khoản khác	3.713.778.657	698.365.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75.709.045.132</b>	<b>31.916.321.865</b>

### 16. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.133.790.560</b>	<b>7.368.921.163</b>
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	5.430.871.122	2.320.530.999
Kinh phí công đoàn	3.588.746.872	3.553.555.136
Cổ tức phải trả	381.199.700	385.189.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.732.972.866	1.109.645.328
<b>Dài hạn</b>	<b>37.540.864.230</b>	<b>31.435.852.336</b>
Nhận ký quỹ từ nhà phân phối	37.540.864.230	31.435.852.336
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.674.654.790</b>	<b>38.804.773.499</b>

### 17. VAY

VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	136.857.309.930	69.806.731.429	206.664.041.359
Vay	146.539.915.234	-	146.539.915.234
Trả nợ vay	(199.201.762.202)	(69.806.731.429)	(269.008.493.631)
Số cuối năm	84.195.462.962	-	84.195.462.962

Chi tiết khoản vay tín chấp ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	61.665.993.509	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	6,2
Ngân hàng TNHH CTBC Việt Nam	22.529.469.453	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 đến ngày 29 tháng 4 năm 2020	5,8
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.195.462.962</b>		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	560.000.000.000	-	2.200.000.000	174.672.010.259	736.872.010.259
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	27.437.822.622	27.437.822.622
Cổ tức công bố	-	-	-	(78.400.000.000)	(78.400.000.000)
Phân chia lợi nhuận thuần	-	-	7.619.000.000	(13.846.000.000)	(6.227.000.000)
Số cuối năm	560.000.000.000	-	9.819.000.000	109.863.832.881	679.682.832.881
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	560.000.000.000	-	9.819.000.000	109.863.832.881	679.682.832.881
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.540.597.377	142.540.597.377
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(78.400.000.000)	(78.400.000.000)
Phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(69.881.990.089)	-	-	(69.881.990.089)
Phân chia lợi nhuận thuần	-	-	-	(1.371.891.131)	(1.371.891.131)
Số cuối năm	560.000.000.000	(69.881.990.089)	9.819.000.000	172.632.539.127	672.569.549.038

(\*) Vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 1.840.000 cổ phiếu quỹ theo giá trị thị trường không vượt quá 40.000 VND mỗi cổ phiếu theo Nghị quyết của cổ đông số 07/NQ/HDQT.19 ngày 18 tháng 9 năm 2019.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 12 tháng 6 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tại mức 14% trên mệnh giá. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 7 năm 2019 và hoàn tất việc chi trả cổ tức vào ngày 12 tháng 8 năm 2019.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và cuối năm	560.000.000.000	560.000.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	78.400.000.000	78.400.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	(78.403.990.000)	(78.402.660.000)

#### 18.3 Cổ phiếu

	Số đầu năm và cuối năm	
	Số lượng	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	56.000.000	560.000.000.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	56.000.000	560.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	1.840.000	18.400.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	54.160.000	541.600.000.000

#### 18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	142.540.597.377	27.437.822.622
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(1.371.891.131)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>142.540.597.377</b>	<b>26.065.931.491</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	56.000.000	56.000.000
Lãi cơ bản (VND) (*)	2.545	465
Lãi suy giảm (VND) (*)	2.545	465

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 18.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2019 ngày 12 tháng 6 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày của báo cáo tài chính.

### 19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng tái cấu trúc	8.162.376.598	-
<b>Dài hạn</b>		
Trợ cấp thôi việc	8.347.809.924	6.192.181.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.510.186.522</b>	<b>6.192.181.250</b>

### 20. DOANH THU BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>1.432.485.086.970</b>	<b>1.283.238.089.767</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.427.527.416.825	1.274.954.494.958
Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	3.249.999.999	354.383.562
Doanh thu bán phế liệu	1.112.259.356	1.729.644.754
Doanh thu bán hàng hóa	595.410.790	6.199.566.493
<b>Trừ:</b>	<b>(49.405.909.825)</b>	<b>(25.424.473.548)</b>
Chiết khấu thương mại	(40.099.065.406)	(6.866.324.826)
Hàng bán bị trả lại	(9.149.663.420)	(18.516.346.599)
Giảm giá hàng bán	(157.180.999)	(41.802.123)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.383.079.177.145</b>	<b>1.257.813.616.219</b>

### 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	557.724.356.322	581.618.419.360
Giá vốn hàng hóa đã bán	392.224.734	3.819.525.070
Khác	14.783.864.187	7.257.483.012
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>572.900.445.243</b>	<b>592.695.427.442</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.017.756.958	16.895.969.538
Chiết khấu thanh toán	3.601.032.548	2.263.062.595
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	438.023.890	517.555.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.056.813.396</b>	<b>19.676.587.402</b>

### 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	211.258.583.773	192.221.348.220
Chi phí vận chuyển	95.926.136.346	70.797.864.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.504.194.091	122.146.382.959
Quảng cáo và khuyến mãi	92.301.675.683	132.616.027.624
Phân bổ chi phí trả trước	17.083.290.483	3.403.903.106
Chi phí khấu hao và hao mòn	11.669.054.034	13.566.885.896
Nguyên vật liệu	415.563.353	1.039.756.119
Khác	6.119.841.497	8.235.431.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>528.278.339.260</b>	<b>544.027.600.187</b>

### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.770.071.043	33.716.976.515
Chi phí nhân viên	30.321.005.493	34.073.706.705
Phí thuê và bảo trì	5.192.062.610	3.193.150.471
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.491.750.497	3.910.466.551
Khác	1.152.217.561	2.217.889.147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.927.107.204</b>	<b>77.112.189.389</b>

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	409.264.970.114	410.964.474.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.060.980.987	382.865.226.703
Chi phí nhân viên	299.842.663.856	296.708.031.354
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	78.200.741.960	76.997.677.220
Khác	23.736.534.790	46.299.807.223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.196.105.891.707</b>	<b>1.213.835.217.018</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 26. THU NHẬP KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.208.576.971	2.910.844.556
Thu nhập từ các khoản đền bù	644.874.189	1.301.355.665
Khác	1.017.372.994	552.518.754
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.870.824.154</b>	<b>4.764.718.975</b>

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty áp dụng các mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") khác nhau cho giai đoạn đầu tư sản xuất ban đầu ("Phù Đồng I") và giai đoạn đầu tư sản xuất mở rộng ("Phù Đồng II" và "Phù Đồng III") dựa vào Giấy Chứng nhận Đầu tư, chi tiết như sau:

- » Thu nhập chịu thuế của Phù Đồng I được áp dụng suất thuế TNDN thông thường theo quy định (20%);
- » Thu nhập chịu thuế của Phù Đồng II được áp dụng suất thuế TNDN thông thường theo quy định (20%). Ngoài ra, Phù Đồng II được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2016) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN tương ứng trong bốn (4) năm tiếp theo; và
- » Thu nhập chịu thuế của Phù Đồng III được áp dụng suất thuế TNDN thông thường theo quy định (20%). Ngoài ra, Phù Đồng III được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN tương ứng trong bốn (4) năm tiếp theo.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 27.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.640.031.563	5.645.330.267
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	88.101.748	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>55.728.133.311</b>	<b>5.645.330.267</b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.919.498.010)	(1.616.420.831)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.808.635.301</b>	<b>4.028.909.436</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

#### 27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>185.349.232.678</b>	<b>31.466.732.058</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	37.069.846.536	6.293.346.412
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	6.041.615.856	323.672.377
Ưu đãi thuế cho dự án Phù Đổng II	(1.862.375.934)	(279.062.647)
Ưu đãi thuế cho dự án Phù Đổng III	-	(2.309.046.706)
Ảnh hưởng do chênh lệch thuế suất giữa thuế suất ưu đãi và thuế suất phổ thông 20%	1.471.447.095	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	88.101.748	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>42.808.635.301</b>	<b>4.028.909.436</b>

#### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trích trước	14.545.082.257	5.206.358.170	9.338.724.087	1.980.067.171
Ước tính chiết khấu thương mại phải trả	3.139.494.718	363.315.832	2.776.178.886	(433.735.895)
Trợ cấp thôi việc	1.669.561.985	1.238.436.250	431.125.735	(4.438.439)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	465.467.450	91.570.253	373.897.197	82.000.406
Chênh lệch tỷ giá	(5.997.794)	(5.569.899)	(427.895)	(7.472.412)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>19.813.608.616</b>	<b>6.894.110.606</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>12.919.498.010</b>	<b>1.616.420.831</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Mua nguyên liệu	264.242.458.714	1.118.747.377
		Mua dịch vụ	50.423.499.330	22.200.350.272
		Lợi nhuận được chia từ HDHTKD	3.249.999.999	354.383.562
		Vốn góp theo HDHTKD	-	50.000.000.000
		Chi phí trả hộ	-	3.790.388.734
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ("TAC")	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên liệu	21.697.351.000	26.142.415.391

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
KDC	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.801.527
TAC	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	7.656.489
			-	<b>9.458.016</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
KDC	Công ty mẹ	Vốn góp theo HDHTKD	50.000.000.000	50.000.000.000
		Lợi nhuận được chia từ HDHTKD	-	354.383.562
			<b>50.000.000.000</b>	<b>50.354.383.562</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco ("Dabaco")	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ký quỹ dài hạn	-	5.000.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
KDC	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	5.670.127.562	22.609.139.776
		Mua hàng hóa	1.355.766.934	-
		Chi phí trả hộ	-	2.378.687.286
		Mua hàng hóa	-	21.288.850
TAC	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên liệu	1.197.389.413	1.534.461.500
Dabaco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	199.633.672
			<b>8.223.283.909</b>	<b>26.743.211.084</b>

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	8.351.609.076	4.338.494.656

### 29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng, nhà kho và xe theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	26.853.847.320	8.784.832.028
Từ 1 - 5 năm	35.486.504.234	27.428.009.062
Trên 5 năm	1.457.118.300	1.516.795.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.797.469.854</b>	<b>37.729.636.590</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các loại ngoại tệ:</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	20.358	12.558
- Đồng Euro (EUR)	420	420
- Đô la Singapore (SGD)	1.000	-

### 31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Cao Thị Thanh Hồng  
 Người lập

Trần Thị Thùy Linh  
 Phó Tổng Giám đốc  
 kiêm Giám đốc Tài chính

Trần Quốc Nguyên  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2020



**KIDO FOODS**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH KIDO**

Lô A2-7, Đường số N4, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp,  
Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84-28) 3819 1326

Fax: (+84-28) 3819 1327

Email: [info@kdc.vn](mailto:info@kdc.vn)

[www.kidofoods.vn](http://www.kidofoods.vn)